

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 165

HOA NGHIÊM KINH
NỘI CHƯƠNG MÔN
ĐĂNG TẠP KHỔNG MỤC

SỐ 1870
(QUYỂN 1 → 4)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1870

HOA NGHIÊM KINH NỘI CHƯƠNG MÔN ĐẲNG TẠP KHÔNG MỤC

Hán dịch: Sa-môn Thích Trí Nghiễm,
chùa Chí Tướng núi Thái Nhất thuộc Chung Nam.

QUYỂN 1

Hội đầu, mười môn phân biệt ý một kinh.

Thiên vương nói kệ khen Phật, đầu tiên là nghĩa giới hạn của
Hiển giáo.

Chương nghĩa Nhất thừa, Ba thừa, phẩm Lô-xá-na. Hàng đầu kệ
của Bồ-tát Thắng Âm, lập chương Chuyển pháp luân.

Văn quán năm biển, nói mười trí, lập chương Năm biển.

Văn nhân duyên tịnh độ trong văn thuyết phần, đầu tiên lập
chương Mười thế giới.

Lập chương nhân, quả, chỗ Đồng tử Phổ Trang Nghiễm.

Hội thứ hai, đầu tiên, chương lễ Phật nghi thức, chương Mười
hiệu.

Chương Tứ sinh, chương Mười thứ tịnh độ.

Phẩm Bốn đế, lập chương Bốn đế.

Chương lập nghiệp thành tựu trong phẩm Quang Minh Giác.

Chương Năm ấm, chương phụ thuộc theo mười tám giới.

Chương phụ thêm kiến mười hai nhập, nói phẩm Vấn Nạn, đầu
tiên lập chương Duy Thức.

Mọi người hỏi xứ Văn-thù, nói chương Nhập Phật Cảnh Giới.

Hội đầu, mười môn liệu định phân biệt kinh.

HỘI ĐẦU TIÊN: MƯỜI MÔN LIỆU ĐỊNH PHÂN BIỆT Ý MỘT BỘ KINH:

Hội đầu: “Ta nghe như vậy”, đầu tiên, định phân biệt nghĩa mà văn dưới gọi. Y cứ có mười môn, nghĩa là nhân và pháp, văn nghĩa sự lý, nhân quả của hạnh giải.

Đầu tiên, thành chủ, bạn, để nói về chỉ thú. Nhân, nghĩa là hóa chủ và hỗ trợ hóa, cạn, sâu, rộng, hẹp, có thể so sánh suốt qua.

Nhân tức là Phật, Bồ-tát. Cạn, sâu, nghĩa là từ ba đường ác, người, trời, Nhị thừa, Bồ-tát, Tiệm giáo, Đốn giáo, Viên giáo, cảm thành Phật, Bồ-tát, cạn sâu khác nhau. Rộng, hẹp cũng vậy.

Pháp cạn sâu: Y cứ vào vị, từ bất thối đầu tiên cho đến các vị Mười địa rốt ráo, kiến pháp sai biệt đều khác nhau, rộng hẹp cũng như thế. Lý cạn sâu: Đầu tiên, sở tri của thế gian chân thật, cho đến cùng cực chứng pháp giới, giải thoát, tự tại đều khác nhau, rộng hẹp cũng vậy.

Sự cạn sâu: Từ cuối hết phàm phu, một điên-để-ca, cho đến noãn diệu thiên quang, sự tướng của xứ tịnh độ, pháp đường giải thoát, khác nhau, rộng hẹp cũng vậy.

Hiểu cạn sâu: Giáo có bí mật, thị hiện rõ khác nhau, suy cho cùng sinh ra hiểu, không hiểu v.v... rộng hẹp cũng vậy.

Hạnh cạn, sâu như cỏ, ngựa, v.v... đều có phần đặc biệt riêng, suy cho cùng hạnh nghiệp cũng khác, rộng hẹp cũng vậy.

Nghĩa cạn sâu: Ba thừa, Nhất thừa sai biệt khác nhau, suy ra cho cùng, nghĩa đối tượng giải thích, cạn sâu chẳng phải một, rộng hẹp cũng vậy.

Văn cạn sâu: Văn của chủ thể giải thích nói, không nói, v.v... khác nhau, nên cạn sâu chẳng phải một, rộng hẹp cũng vậy.

Nhân cạn, sâu: Từ danh số của nhân kia, đầu tiên là sáu nhân, bốn duyên, tiếp theo hiện sinh dẫn, cho đến hai mươi nhân, v.v... sau cuối, là làm nhân lẫn nhau. Nếu y cứ vào đạo lý để nói về nhân cạn, sâu từ pháp đầu tiên chấp cảnh giới, cho đến nhân duyên như thật của pháp vô ngã. Pháp vô lậu nhân sáu nghĩa v.v... cạn, sâu khác nhau, rộng hẹp cũng vậy.

Quả cạn, sâu: Từ đẳng lưu đầu dựa vào quả. Sĩ phu giải thoát quá báo dị thực. Thế gian, xuất thế gian, cho đến tột bậc Phật khác nhau, rộng hẹp cũng vậy.

Nghĩa mười môn trên, chư Phật khéo léo hội dung pháp giới, viên thông tự tại, không rời thấy nghe, chứng đắc Nhân-đà-la vi tế của Phổ Hiền, giải thoát thông minh mới rốt ráo.

Thiên vương nói kệ khen Phật, đầu tiên, chỉ rõ nghĩa phân chia xếp đặt của giáo:

Y cứ vào giáo có năm vị khác nhau đồng:

1. Y cứ vào Tiểu thừa, giáo có danh, thuyên, giải nghĩa có danh. Đây là ở trong vị phân biệt biến kế.

2. Giáo có danh, thuyên giải nghĩa có danh; Giáo có danh, thuyên giải nghĩa không có danh. Đây gọi là hồi tâm, nghĩa trong vị của giáo đầu tiên, đương tức danh, nghĩa tức không giáo.

3. Giáo có danh, gọi là nghĩa có danh; giáo có danh, gọi là nghĩa không có danh; giáo không có danh, gọi là nghĩa không có danh. Danh này tức là thật tánh trong vị giáo thành thực, thành nghĩa có, chẳng phải cái gọi là có.

4. Giáo không có danh, biểu thị rõ nghĩa không có danh. Nghĩa, danh ở trong vị đốn giáo là nói về tam-muội Nhất thật.

5. Giáo có danh, nói nghĩa có danh. Giáo không có danh làm sáng tỏ nghĩa không có danh. Thích hợp với chỗ thấy, nghe ở trong vị Viên giáo. Giáo có danh làm sáng tỏ nghĩa có danh. Giáo có danh làm rõ nghĩa không có danh. Giáo không có danh làm sáng tỏ nghĩa không có danh. Đây nói theo xứ Vgiáo. Vì gồm thấu nghĩa vô tận, nên phân chia xếp đặt chung cho Thanh văn và phàm phu pháp chân thật sở tri của thế gian. Bao gồm chung cho nghĩa văn của Tiểu thừa, Ba thừa và so sánh phần chứng ngang nhau trong Viên giáo.

Về nghĩa văn có được của kinh bộ dưới đều y cứ theo quy tắc tiêu chuẩn này.

Trong văn Phổ Hiền, cuối văn vân tập trong phẩm Lô-xá-na Phật, lập chương nghĩa của Nhất thừa, Ba thừa.

Văn kinh nói: Người nhập đạo vô thượng, gọi là Tiệm giáo, người không thể cùng tận địa trí công đức, thích hợp với phần giáo thuần thực.

Trong nguyện biểu tánh, thích hợp với phần Đốn giáo. Đây là y cứ vào chỗ phân chia xếp đặt diệt biến kế. Lại nói: người nhập đạo Vô thượng là Đốn giáo và Chung giáo và nghĩa trong giáo thuần thực, không thể cùng tận địa trí công đức, là nghĩa giáo của phần hạnh giải của Phổ Hiền.

Trong biểu tánh nguyện: gọi là Viên giáo, là Phần chứng trở đi, cũng được gọi là hạnh, nguyện Phổ Hiền.

Thừa kia gọi là giáo sẽ giải thích đủ trong phần hỏi đáp. Nay, y cứ vào kinh dưới đây nói lược nghĩa của năm thừa, có ba hạng:

1. Người trời chung là một.
2. Thanh văn, Duyên giác chung, là thứ hai.
3. Thủ Chung, Tiệm giáo chung là thứ ba.
4. Đốn giáo riêng một.
5. Nhất thừa riêng một.

Tổng là năm thừa thứ hai: Người là một, trời là một, Thanh văn là một, Duyên giác là một, Đại thừa là một.

Thứ ba: Trời một, Phạm một, Thanh văn một, Duyên giác một, Như Lai một.

Hợp năm thừa kia thành Nhất thừa lia tướng vô phân biệt. Xuất xứ từ kinh Lăng-già: “Nếu thừa phạm phu, người, trời, Phật cho đến phạm phu đồng với người, trời kia, dẫn dắt người phạm phu tu phước người, trời. Đã không có vô lậu nên không nói về kiến, tu, chỉ nói về thiên định thế gian, trở thành tu thế gian. Y cứ Thanh văn, Duyên giác và Nhị thừa hồi tâm, đều y cứ vào kiến, tu, tức đến rốt ráo thành Phật, thành La-hán. Từ mười hai trụ của vị Tiểu thừa tức hợp với bốn quả chung thành mười hai trụ:

1. Trụ tự chủng tánh Thanh văn.
2. Trụ nhập chánh, chưa vượt qua thứ lớp phương tiện thủ chứng.
3. Trụ vượt qua thứ lớp thủ chứng.
4. Trụ được vị thanh tịnh không hư hoại, giới Thánh chuyển lậu tận ở trên.
5. Trụ nương tựa giới tăng thượng, ý tăng thượng, học xuất sinh.
- 6, 7, 8. Được trí chân đế, tuệ học tăng thượng trụ.
9. Trụ quan sát tam-muội sinh ra vô tướng.
10. Trụ vô tướng rốt ráo.
11. Trụ học xứ giải thoát.
12. Trụ Nhất thiết chủng A-la-hán.

Tiến thẳng Bồ-tát: Một người có mười địa và nói sau kiến, tu mới được thành Phật, và nói mười hai trụ của Đại thừa. Mười hai trụ đó là:

1. Trụ chủng tánh.
2. Trụ hạnh giải.
3. Trụ tâm tịnh.
4. Trụ giới tăng thượng.
5. Trụ ý tăng thượng.
6. Trụ tuệ tăng thượng.
7. Trụ tuệ tương ứng với đế.
8. Trụ tuệ tương ứng với duyên khởi.

9. Trụ hữu hành khai phát vô tướng.
10. Trụ vô hành không có khai phát vô tướng.
11. Trụ tuệ vô ngại.
12. Trụ Bồ-đề tối thượng.

Nếu đã thành thực vị, giáo thì sẽ không đồng với nghĩa trước.

Sơ địa trở xuống có cái chết phần đoạn. Trước hết, người được vô lậu, gồm cả cái tử biến dịch. Sơ địa trở lên, cuối cùng địa thứ mười, có cái tử biến dịch. Sau mãn Mười địa mới bắt đầu thành Phật.

Nếu y cứ vào đốn giáo, tức tất cả hạnh, vị đều không thể nói, vì là vô tướng. Đây là y cứ vào phương tiện ba thừa mà nói. Nếu y cứ theo giáo của Nhất thừa viên mãn, thì vì nghĩa tự tại, chung, riêng thành nhau, nên sẽ không có sự khác nhau trước sau, thì chung, cạn sâu, gần xa, chỉ bất thối về sau, tức nói được pháp của Phổ Hiền kia.

Y cứ vào giáo thuận thực mà so sánh thì Thập tín mãn tâm trở lên tức là vị Thập tín đó. Trong vị Phổ Hiền kia, đối với pháp giải hạnh của Phổ Hiền kia và Phổ Hiền được nghĩa kia, chỉ có thắng tấn của phần mình, hai nghĩa khác nhau. Thân Phổ Hiền kia hiện diện ở ngôi vị vua Chuyển luân với lưới báu trắng sạch và cảnh giới của mười mắt, mười tai.

Nếu y cứ vào sự phân chia, xếp đặt nhất định của pháp giải hạnh, thì chỉ chưa được tam-muội Ly cấu. Tam-muội Ly cấu kia là định trước khi chưa thọ lãnh chức, thân Phổ Hiền kia trụ ở trú xứ của tánh bình đẳng của thế giới, mà ở giai vị nhục nhãn nhìn thấy khắp, thấy mười phương.

Nếu đã chứng đắc quả vị Phổ Hiền thì sẽ ở trong vị Thập địa của sáu tướng phương tiện. Vì sao? Vì dựa vào nghĩa chứng của mười địa, gặp pháp khắp. Nếu đã chứng được thân sơ y hạnh giải của Phổ Hiền kia, tất nhiên cũng sẽ được thành thân của các vị vua trời ở cung trời Đâu-suất.

Ra khỏi ba đường ác, sinh lên cõi trời kia, được thân không có tai nạn, thành pháp hạnh giải của Phổ Hiền, như thân long nữ trong kinh Pháp Hoa, về nghĩa thích hợp, tức là để lại hoặc cảm thân đồng sinh kia. Vì sao? Vì những người đều đã gieo trồng nhiều gốc lành ở quá khứ, nên cũng không đồng với thân biến hóa này. Vì sao? Vì kinh Pháp Hoa dẫn chứng long nữ kia đã hoàn thành nhanh chóng hạnh cao quý, ít có, nhằm chứng minh cho giáo cao siêu của kinh Pháp Hoa. Nếu là thân biến hóa thì không phải ít có. Nếu y cứ vào sự phân chia giới hạn diệt hoặc để biện luận thì nương tựa phẩm Phổ Hiền nói một chương,

tất cả chương. Dựa vào phẩm Tiểu Tướng nói sự phân chia ngang nhau trong sự dứt hoặc: Một dứt, tức tất cả dứt. Do văn kinh Hoa Nghiêm chép: “Trong, ngoài đều có năm trăm phiến não và tám mươi bốn ngàn phiến não, vì diệt khắp không phải riêng lẻ, nên biết được. Vì sao? Vì đối với mé sinh tử mà nói”. Lại nói: “Thời kỳ vị vua Chuyển luân của lưới báu trắng sạch, có gương soi pha-lê ánh sáng định, tỏa ánh sáng soi sáng mười cõi Phật, thế giới nhiều như số cát bụi. Do đó suy niệm ra, phải biết phần trước của vị vua Chuyển luân lưới báu trắng sạch không ít. Nếu khởi dụng nhay bén, thì khiến vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-đề không lui sụt và phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề và ở Thập địa, địa Vô sinh Pháp nhẫn, chỉ chưa được phần ít của tam-muội Ly Cấu. Cảnh giới đức dụng, tướng vị khác và thấy phần vị Phật, đầy đủ văn kinh. Lại, nghĩa Nhất thừa, phân biệt có hai:

1. Chánh thừa.
2. Thừa phương tiện.

Chánh thừa như kinh Hoa Nghiêm chép: “Cũng như thừa Phương tiện phân biệt trước. Phân biệt có mười:

1. Phân biệt đối với Tam bảo: Phật bảo là pháp Nhất thừa, Tăng là Ba thừa. Vì sao? Vì Phật đồng với vô tận, Pháp, Tăng thì không nhất định.

2. Phân biệt đối với bốn đế, diệt đế là Nhất thừa. Ba đế là ba thừa. Vì sao? Vì diệt đồng với vô tận, ba đế thì bất định.

3. Phân biệt đối với hai đế. Đệ nhất nghĩa là Nhất thừa. Thế đế là Ba thừa, vì sao? Vì nghĩa đế đệ nhất, đồng với vô tận, thế đế thì bất định.

4. Phân biệt đối với lỗi, không có sự sợ hãi, tức là Nhất thừa, có sự sợ hãi tức là ba thừa. Vì sao? Vì như Như Lai tạng, y chỉ thì không có lỗi, tức vì đồng với vô tận. Sáu thức và tâm pháp trí, bảy pháp này, sát-na không dừng lại, không gieo trồng gốc mọi nỗi khổ, không được chán khổ, ưa cầu Niết bàn. Vì tục đế này nên phải nương tựa duyên không tự tại.

5. Đối với người và phân biệt trí có ba hạng người thành ba thứ trí. Ba thứ trí là:

- Nếu thiện nam, thiện nữ thành tựu pháp trí rất sâu thì cho là người thứ nhất.

- Nếu người nam, người nữ thành tựu thuận theo pháp trí thì là người thứ hai.

- Nếu người nam, người nữ đối với các pháp sâu xa, không tự biết

rõ, kính cầu Thế Tôn, không phải cảnh giới của con, chỉ là sở tri của Phật, là người thứ ba.

Một người trước là trí Nhất thừa, hai người sau là trí ba thừa. Vì sao? Vì trí thứ nhất trước là trí chứng, vì trí chứng này đồng với vô tận, hai trí sau chưa chứng pháp thật, vì là bất định. Đây nói theo kinh Thắng-man.

6. Vì đối với pháp đã hiểu rõ lường đối khế hợp với thật vô phân biệt, thuận theo văn, hiểu nghĩa là pháp Ba thừa, biết pháp lường đối vô phân biệt là pháp Nhất thừa. Vì sao? Vì khế hợp với vô phân biệt, là pháp Nhất thừa. Vì sao? Vì khế hợp với vô phân biệt, vì đồng với vô tận.

Thuận theo văn nhận lấy, đây là bất định, đó là nói theo nghĩa kinh Lăng-già.

7. Đối với phân biệt Nhất thừa, ba thừa, Tiểu thừa: Nhất thừa là Nhất thừa, ba thừa là ba thừa. Vì sao? Vì Nhất thừa thì vô tận, Ba thừa thì không nhất định.

8. Đối với phân biệt Đại thừa, Trung thừa, Tiểu thừa: Đại thừa tức là Nhất thừa. Vì sao? Vì thượng tôn Đại thừa, tức vô tận. Trung thừa, Tiểu thừa về nghĩa thì không nhất định, như kinh hội ba quy về một.

9. Đối với phân biệt thế gian, xuất thế gian, xuất xuất thế gian, xuất xuất thế gian tức là Nhất thừa, ngoài ra là ba thừa. Vì sao? Vì xuất xuất thế gian vượt hơn, vì đồng với vô tận, hai xuất thế gian còn lại thì không nhất định, như kinh Pháp Hoa nói: “Xe tư riêng để trên đất trống”, tức là việc ấy.

10. Đối với phân biệt thí dụ, như hạt ngọc giấu trong búi tóc của vua và đại vương, tức là ngọc châu báu Nhất thừa buộc trong áo ông và người nghèo khổ, tức là ba thừa. Vì sao? Vì búi tóc, hạt ngọc, bí ẩn rất sâu, thí dụ khác thì không nhất định.

Đây là nói theo kinh Pháp Hoa.

Từ trước đến nay đã nói ở trong kinh quyển thuộc, vì muốn lộ rõ nghĩa giáo Nhất thừa của pháp tạng viên thông vô tận, nên ở chỗ phương tiện bảo cho biết danh hiệu Nhất thừa, sao cho họ tiến vào, dễ được hiệu quả. Nói như vậy: Nếu nương tựa ngang pháp môn tiến đến của phương tiện, thì có hai nghĩa nói chung Nhất thừa:

1. Do nương tựa giáo Nhất thừa rất ráo thành. Vì sao? Vì từ dòng chảy Nhất thừa, lại vì mục đích của giáo Nhất thừa.

2. Vì làm phương tiện cho Nhất thừa viên mãn rất ráo kia, nên nói Nhất thừa, không phải là nghĩa Viên thông tự tại.

Nghĩa khác, so sánh có thể biết.

Pháp môn của sự kiện trên, gồm thâu các giáo dưới, tức thuộc về nghĩa bốn giáo của phần trên, dần dần từ nghĩa cuối cùng kia, chung cho Nhất thừa, Ba thừa, Tiểu thừa. Vì sao? Vì đó là mục đích của Viên giáo. Chung giáo của Ba thừa lạng soi một tướng chân như và môn giáo đầu tiên, nhiệm, tịnh tức không. Tiểu thừa ngu pháp, giáo khổ đế, đối tượng giải thích pháp thật, tông hữu vi, vô vi đều khác nhau, vì nghĩa lý đều dị biệt.

TẤT CẢ CÁC PHÁP, KỆ ĐẦU CỦA BỒ TÁT THẮNG ÂM LẬP CHƯƠNG CHUYỂN PHÁP LUÂN

Chuyển pháp luân có hai thứ:

1. Chuyển Nhất thừa.
2. Chuyển ba thừa, Tiểu thừa.

Chuyển Nhất thừa: Một để có mười hạnh, như kinh dưới đây sẽ nói:

1. Đầy đủ bốn vô sở úy thanh tịnh.
2. Sinh ra âm thanh tịnh diệu của bốn biện.
3. Thấu đạt sáng suốt bốn đế.
4. Thuận theo pháp môn vô ngại của chư Phật.
5. Tâm bình đẳng thanh tịnh, đều có công năng che chở khắp tất cả chúng sinh.
6. Thuyết đã nói không hư, quyết định cứu giúp nỗi khổ của chúng sinh.
7. Đã gìn giữ đại bi ở đời trước.
8. Dùng âm thanh pháp luân mâu nhiệm lan khắp pháp giới.
9. Thường nói chánh pháp suốt A-tăng-kỳ kiếp, không hề ngơi nghỉ.
10. Chuyển các căn, lực, giác, ý thành tam-muội các thiền giải thoát, nối nhau không dứt. Ba đế còn lại so sánh cũng đồng với đế này.

Khi trôi lăn, pháp nhập tâm chúng sinh, thuyết giả lại có mười nhân, mười nhân là: Vì nguyện lực quá khứ, vì đã duy trì đại bi, nên không bỏ chúng sinh, trí tuệ tự tại, thuận theo cơ nghi thích hợp, vì nói pháp, vì chưa từng lỗi thời tiết giáo hóa, vì thuận theo pháp khí không thêm, không bớt, vì quyết định biết rõ trí ba đời, vì thân tu hành hơn hết, vì miệng hiện hành không có giả dối, vì trí thuận theo âm thanh đều giác ngộ. Về nghĩa, so sánh cũng đi suốt qua.

Căn cơ đều khắp, đầy đủ bốn duyên, nghĩa ấy rất dễ hiểu.

Ba thừa, Tiểu thừa xoay bánh xe pháp:

Trong một đế có ba chuyển thành mười hai hạnh, ba đế còn lại cũng đồng, thành bốn mươi tám hạnh, như luận Tỳ-Bà-Sa chép: “Xoay bánh xe pháp, nghĩa là nói nghĩa bốn đế, ba chuyển mười hai tướng, là khổ đế, là khổ tập, là khổ diệt, là đến khổ, diệt, đạo, gọi là một chuyển bốn tướng.

Là khổ đế nên biết, là khổ tập nên dứt, là khổ diệt nên chứng, là khổ diệt đạo nên tu, gọi là chuyển bốn tướng thứ hai.

Là khổ biết rồi, là khổ, tập dứt rồi, là khổ diệt chứng rồi, là đến khổ, diệt, đạo tu rồi, gọi là chuyển bốn tướng thứ ba.

Bốn tướng: Trong bốn đế, sinh ra trí nhãn sáng suốt, giác biết, cũng gọi là hành.

Giáo thuần thực của Ba thừa: Phần đầu tiên trở xuống, gọi là đồng với giáo không dị thực. Nghĩa sau cùng với nghĩa của Đốn giáo, chỉ một Chân như trao cho, gọi là chuyển, chứ chẳng phải cho rằng có thể chuyển thì gọi là Chuyển.

Pháp môn phân biệt trên, gồm thâu các giáo dưới, tức khắc phục Đốn giáo thuộc giáo trên, phân chia nghĩa bốn giáo. Tiêm tứ nghĩa ngọn của giáo kia, đi suốt qua Nhất thừa, Ba thừa, Tiểu thừa. Vì sao? Vì đối tượng mà Viên giáo kia gọi và Chung giáo của ba thừa, lạng soi, soi lạng, một tướng chân như, và môn giáo ban đầu, nhiệm, tịnh tức không. Tiểu thừa ngu pháp, giáo của khổ đế.

Đối tượng giải thích: Pháp thật, tông hữu vi, vô vi khác nhau, nghĩa lý đều dị biệt.

VĂN QUÁN NĂM BIỂN, NÓI VỀ MƯỜI TRÍ ĐẦU TIÊN LẬP CHƯƠNG NĂM BIỂN

Năm biển:

1. Tất cả các biển thế giới.
2. Tất cả biển chúng sinh.
3. Biển nghiệp pháp giới.
4. Các biển căn dục lạc của tất cả chúng sinh.
5. Tất cả biển chư Phật ba đời.

- Quán năm biển kia để nói về mười trí:

1. Tất cả biển thế giới trí thanh tịnh thành bại.
2. Tất cả cõi chúng sinh không thể suy nghĩ, bàn luận, khởi trí.
3. Trí quán sát pháp giới.

4. Tất cả trí tự tại của Như Lai.
5. Đế-thích chuyển pháp luân, nguyện thanh tịnh.
6. Lực, vô sở úy, trí pháp không chung.
7. Trí hào quang sáng suốt, khen ngợi âm thanh.
8. Trí ba thứ giáo hóa chúng sinh.
9. Trí vô lượng pháp môn tam-muội không hư hoại.
10. Các thứ trí tự tại của Như Lai.

Nói về Pháp năm biển nhập mười trí.

Hỏi: Vì sao như thế?

Đáp: Vì lý đối với căn cơ trước không được tự lộ rõ, do trí lộ rõ, vì lìa trí tức không có, nên do ở trí.

Năm biển kia, ở trí tức trí.

Hỏi: Vì sao năm biển không dùng mười trí để gọi?

Đáp: Cảnh năm biển sâu, ký thác giáo ba thừa, ở trong mười trí, liên lạc lẫn nhau làm chủ, bạn, sâu, cạn, rộng, hẹp, nhiễm, tịnh, sự, lý là vô cùng.

Pháp môn phân biệt trên gồm thâu các giáo dưới. Đốn thuộc về nghĩa bốn giáo của phần trên kia. Tiệm, từ nghĩa ngọn của giáo kia, đi suốt qua Nhất thừa, Ba thừa, Tiểu thừa. Vì sao? Vì là điều mà Viên giáo kia gọi. Và Chung giáo của Ba thừa lặng soi, soi lặng, một tướng chân như và môn giáo đầu tiên. Nhiễm, tịnh tức không, giáo khổ đế của Tiểu thừa ngu pháp, thật pháp, đối tượng giải thích, tông hữu vi, vô vi đều không đồng, vì nghĩa lý đều riêng, vẫn Viên giáo Nhất thừa này, cuộc hạn ở thấy, nghe làm bắt đầu.

NÓI VỀ VĂN NHÂN DUYÊN TỊNH ĐỘ, TRONG VĂN PHÂN TÍCH ĐẦU TIÊN, LẬP CHƯƠNG MƯỜI THẾ GIỚI

Nay, mức độ cạn, sâu, trên, dưới của biển thế giới này, lược có ba thứ:

1. Từ Tam thiên Đại thiên thế giới trở đi, cho đến giới hình loại của tất cả chúng sinh, dùng làm một loại.
2. Như mười thế giới, v.v... chỗ thành hóa, nơi cư trú của Cồ-di:
 1. Thế giới tánh.
 2. Thế giới biển.
 3. Thế giới luân.
 4. Thế giới Viên mãn.
 5. Thế giới phân biệt.
 6. Thế giới trở lại.

7. Thế giới chuyển.
8. Thế giới Liên hoa.
9. Thế giới Tu-di.
10. Thế giới tướng.

Mười thế giới này tương đương với chỗ ở của vạn luân vương, còn trở đi là loại thứ hai.

Ba biển thế giới Liên Hoa Tạng trở đi cùng tận cảnh giới Phật là loại thứ ba.

Biển thế giới của loại như thế có mười thứ sự mà Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đã giảng nói.

1. Nghĩa là nói về biển thế giới.
2. Khởi đủ nhân duyên biển thế giới.
3. Trụ biển thế giới.
4. Biển thế giới hình.
5. Biển thế giới thể.
6. Biển thế giới trang nghiêm.
7. Biển thế giới thanh tịnh.
8. Biển thế giới của Như Lai ra đời.
9. Biển thế giới kiếp.
10. Biển thế giới phương tiện hoại.

Mười nhân duyên này thành chung ba thế giới trên, chỉ vì dẫn dắt căn cơ sâu cạn khác nhau, nên có ba dị biệt.

Y cứ vào văn kinh này, Tam thiên cõi làm lộ rõ nghĩa dung thông của thế giới kia, giới Liên Hoa Tạng, nói nghĩa sâu kín của Nhân-đà-la, cõi trung gian, v.v... Lược bỏ không nói, so sánh có thể hiểu.

Pháp môn phân biệt trên, gồm thâu các giáo ở dưới. Đốn thuộc nghĩa bốn giáo của phần trên. Tiệm từ cuối hết của giáo kia, chung cho Nhất thừa, Ba thừa, Tiểu thừa. Vì sao? Vì được khắp Viên giáo gọi. Và Chung giáo của Ba thừa lặng soi, soi lặng, một tướng chân như và nhiệm, tịnh của môn giáo đầu tiên tức không. Tiểu thừa ngu pháp, giáo khổ đế, pháp thật, đối tượng giải thích, tông hữu vi, vô vi đều khác nhau, vì nghĩa lý đều riêng, vẫn Viên giáo Nhất thừa này, cuộc hạn ở sự thấy, nghe là bắt đầu.

LẬP CHƯƠNG NHÂN QUẢ Ở CHỖ ĐỒNG TỬ PHỔ TRANG NGHIÊM

Theo giáo Tiểu thừa có sáu nhân, bốn duyên. Bốn duyên là:

1. Duyên nhân.

2. Duyên Đẳng vô gián, cũng nói là duyên trình tự.
3. Duyên Sở duyên cũng nói là duyên duyên.
4. Duyên Tăng thượng.

Sáu nhân:

1. Nhân của chủ thể tạo tác, cũng gọi là nhân của đối tượng được tạo tác.
2. Nhân câu hữu, cũng gọi là nhân cộng hữu.
3. Nhân tương ứng.
4. Nhân đồng loại, cũng gọi là nhân tự phần.
5. Nhân biến hành, cũng gọi là nhân biến.
6. Nhân dị thực, cũng gọi là nhân báo.

Bốn duyên gồm thân nhau của Tiểu thừa, không đồng nghĩa với ba thừa. Vì sao? Vì không phải nguyên lý của nhân duyên.

Sáu nhân sinh ra năm quả, hai nhân tương ứng, cộng hữu, cảm quả tăng thượng, nhân tự phần, nhân biến, cảm quả y, sở tác, tự phần, tương ứng, cộng hữu cảm quả giải thoát và quả sĩ phu, cũng gọi là công dụng.

Quả báo, nhân cảm quả báo. Danh số của sáu nhân, bốn duyên này chung cho ba thừa. Theo giáo đầu tiên của ba thừa, thì sáu nhân, bốn duyên sinh, dẫn ra hai nhân, hai mươi nhân, làm nhân lẫn nhau. Sự phân chia xếp đặt sinh của nghĩa nhân. Duyên này dùng bốn câu để làm sáng tỏ:

1. Chưa thành tựu, thành chưa thành, như nhân nhân, cũng nhân nhân.
2. Đã thành, thành rồi thành, như quả quả, cũng quả quả.
3. Chưa thành, thành rồi thành, như nhân thành quả, quả, v.v...
4. Đã thành, thành chưa thành, như quả làm rõ nhân.

Đây là nói theo sự, nếu nói theo lý để, thì chỉ là một nghĩa duyên khởi, không có nhân khác. Hai mươi nhân là:

1. Sinh của chủ thể tạo tác. Nghĩa là thức hòa hợp đối với thức. Do sự hòa hợp này mà đối tượng tạo tác vốn không mà nay có.
2. Ở chủ thể tạo tác. Nghĩa là ăn đối với đã sinh và hữu tình chưa sinh, do thế lực này nên sinh rồi, nối nhau không dứt.
3. Gìn giữ chủ thể tạo tác. Nghĩa là đại địa đối với hữu tình chuyên chở, khiến cho không rơi rớt.
4. Soi rọi chủ thể tạo tác. Nghĩa là đèn đối với các sắc, vì soi rõ chướng đen tối.
5. Biến hoại chủ thể tạo tác. Nghĩa là lửa đối với củi, khiến cho

lửa kia nối tiếp nhau thay đổi sai khác.

6. Chia ly chủ thể tạo tác. Nghĩa là chiếc liềm đối với đối tượng cắt, khiến vật liên thuộc thành hai phần.

7. Chuyển biến chủ thể tạo tác. Nghĩa là trí khéo kéo, đối với vàng, bạc chuyển biến chúng mới thành tướng khác.

8. Tin hiểu chủ thể tạo tác. Nghĩa là khói đối với lửa. Do khói này so sánh biết không hiện thấy.

9. Lộ rõ chủ thể tạo tác. Nghĩa là tông, nhân, dụ đối với nghĩa đã thành. Do nghĩa này được quyết định đúng.

10. Đăng chỉ của chủ thể tạo tác. Nghĩa là Thánh đạo đối với Niết-bàn. Do Thánh đạo này chứng Niết-bàn kia.

11. Tùy thuyết chủ thể tác. Nghĩa là danh, tướng, kiến. Do như danh, tự, nhận lấy tướng, chấp vương mắc, thuận theo khởi thuyết.

12. Quán đối đãi chủ thể tạo tác. Nghĩa là vì quán đối đãi với người này nên cầu muốn sinh đối với người kia, như chờ đợi đói khát, theo đuổi, tìm cầu thức uống ăn. Do cái ăn này nhân dục sinh ra người kia, người này.

13. Chiêu cảm dẫn dắt chủ thể tạo tác: Nghĩa là duyên xa như vô minh đối với già chết. Do vị khác này lần lượt chiêu cảm vì sẽ có.

14. Sinh khởi chủ thể tạo tác. Nghĩa là duyên gần gũi, như vô minh đối với hành, do sinh vô gián này, vì sẽ có.

15. Thân nhận chủ thể tạo tác. Nghĩa là duyên khác, như ruộng, nước, phân đối với lúa sinh, dù tự giống sinh, nhưng vì thêm sức duyên kia.

16. Dẫn phát chủ thể tạo tác. Nghĩa là duyên thuận theo, như quan hầu hạ vua, làm cho vua vui vẻ hài lòng, vì thuận theo dẫn phát.

17. Phân biệt quyết định về chủ thể tạo tác. Nghĩa là duyên khác nhau, như duyên năm cội đối với quả năm cội. Do tự tánh khác nhau vì chiêu cảm quả riêng.

18. Đồng sự của chủ thể tạo tác. Nghĩa là duyên hòa hợp, như căn không hư hoại, cảnh giới hiện tiền. Chánh khởi tác ý đối với thức đã sinh, để thành tự đối tượng tạo tác, tất nhiên chờ đợi chủ thể tạo tác khác.

19. Mâu thuẫn của chủ thể tạo tác. Nghĩa là duyên chướng ngại, như mưa đá đối với lúa, có công năng gây tổn hại lúa.

20. Không mâu thuẫn đối với chủ thể tạo tác. Nghĩa là không có chướng ngại, như lúa không có chướng ngại, mâu thuẫn với chướng ngại trên.

Trong nhân của chủ thể tạo tác khác nhau này chỉ nói thức hòa hợp. Lại, nêu cương yếu là vì người trí nương tựa một phương này, so sánh, suy nghĩ phương khác, làm nhân lẫn nhau, nghĩa là đồng thời làm nhân quả lẫn nhau, cũng như bó tranh, cũng như tim đèn cháy sém, ánh sáng, ngọn lửa đèn khi không tồn tại riêng.

Văn này ở Ba thừa, Nhất thừa mới cuối cùng.

Hỏi: Vì sao danh số nhân quả đối với Sơ giáo và Chung giáo của Tiểu thừa, ba thừa thêm bớt khác nhau?

Đáp: Vì số nhân quả của Tiểu thừa ít, chưa đạt được pháp không, vì không tương tận lý đại nên không nói đủ. Phần giáo đầu tiên của Ba thừa đạt được pháp không, biết pháp, tiếp theo là y cứ vào phần tế, về sự, nói một cách khéo léo. Giáo thuần thực đã bỏ, cuối cùng pháp không, vì hội nhập sự từ lý nên không nói nhiều, chỉ nói về bốn duyên và làm nhân quả lẫn nhau.

Hai mươi nhân kia, vì sự khác nhau của tự tánh trong nhân của chủ thể tạo tác này, nhập nhân chủ thể tạo tác, gồm thân ở đây, không phải nghĩa Tiểu thừa ngu pháp.

Nhân duyên của nghĩa Ba thừa kia được gồm thân tăng thượng. Vì sao? Vì đạt phần pháp không, về lý được dung nhau thành nên được gồm thân, như nước, đất làm tăng thượng cho lúa, trở lại tức làm nhân gần cho quả tự tăng thượng. Nhân gần với nhân gần không biết lẫn nhau, duyên xa cũng như thế. Vì sao? Vì chẳng có gì có thể biết, nên nhân gần không mâu thuẫn với nhân gần. Vì sao? Vì không có hai tướng, nên nghĩa làm nhân quả lẫn nhau thuộc về nhân gần. Lại, tổng chỉ có nhân duyên, đây là y cứ vào Chung giáo, dựa vào giáo Nhất thừa đủ tất cả nhân duyên, lý, sự, nghĩa giáo, nhân, pháp, nhân, quả. Lại, nói chung, là có nhân duyên cho đến một tức tất cả, tất cả tức một. Nhân hạnh của Phật Lô-xá-na, Phổ Hiền đã thành tựu nhân quả đều khác với ba thừa.

Hỏi: Thể tánh pháp môn nhân quả của Phổ Hiền đã khác với sự đạo lý của thế gian, thì do đâu từ thế gian phàm phu được thành quả hạnh giải của Phổ Hiền?

Đáp: Nhân, quả của Phổ Hiền không từ thế gian phàm phu mà định được. Vì sao? Vì nếu chưa thành thì không nói là Phổ Hiền, nếu đã thành thì từ xưa đến nay sự việc, thời tiết, đạo lý như thế, đều khác nhau. Pháp của phàm phu xưa nay không có vật, không có vật chi để thành. Phổ Hiền đối với phàm, xưa nay chẳng phải có, không có đối tượng nào để thành, chỉ có Phổ Hiền đối với Phổ Hiền mà nói thành, không thành, có thể so sánh mà biết.

Pháp môn phân biệt ở trên gồm thâu các giáo ở dưới, đốn thì thuộc về nghĩa bốn giáo của phần trên, tiệm là từ nghĩa của tông giáo kia, đi suốt qua Nhất thừa, ba thừa, Tiểu thừa. Vì sao? Vì được gọi khắp. Và Chung giáo của Ba thừa, lặng soi, soi lặng, một tướng chân như và môn giáo đầu tiên, nhiệm, tịnh tức là không. Giáo khổ đế của Tiểu thừa ngu pháp, pháp thật đối tượng giải thích, tông hữu vi, vô vi đều khác nhau, nghĩa lý đều riêng.

Môn chương ở dưới so sánh với môn chương này có thể biết.

THỨ HAI: PHẨM HỘI DANH HIỆU, ĐẦU TIÊN LÀ CHƯƠNG LỄ PHẬT NGHI THỨC

Lễ Phật có ba thứ, đó gọi là thân, miệng, ý.

Gọi thân nghiệp lễ Phật: gồm có ba:

1. Nghi lễ tùy phương.
2. Lễ do Phật dạy.
3. Lễ cực thành.

Phương pháp của ba lễ này được chia ra làm ba:

1. Lễ thành quá: Oai nghi thân không ngay ngắn, tương ứng với tướng ngạo mạn, như già gạo lên xuống, thật chế có lỗi, gọi là lễ thành quá.

2. Lễ tương tự: Tướng dù thuận với cử chỉ ngay ngắn nhưng tương ứng với giác biết tạp nhập, hoặc vin dựa, hợp gọi là lễ tương tự.

3. Lễ thuận thật: Oai nghi thuận với tướng lễ, tương ứng với trí chánh vô phân biệt. Hoặc tương ứng với thật tánh, nghĩa là tánh như như, gọi là lễ thuận thật.

Nghĩa của lễ khẩu nghiệp so sánh với trước rất dễ biết.

Ý nghiệp có bảy:

1. Lễ thành quá: Nghĩa là đối với cảnh tôn quý tương ứng với giác biết tạp nhập, gọi là lễ thành quá.

2. Lễ tương tự: Thường tương ứng với cầu danh lợi, cũng hợp với dục ác. Văn kinh phán quyết nhập đạo xiển-đề. Nay, dù dường như thiện, nhưng sẽ mắc phải nỗi khổ lớn, gọi là lễ tương tự.

3. Lễ kính đức: Kính vô lượng tướng công đức của Như Lai, như núi vàng được thuận với như thật, gọi lễ kính đức.

4. Lễ diệt quá: Tự xét mình vô trí tạo vô biên lỗi, mà lòng không biết xấu hổ. Nay, gặp cảnh Thánh, nhờ muốn rửa sạch lỗi lầm gọi là lễ diệt quá.

5. Lễ hồi hướng chúng sinh: Tự nghĩ từ vô thủy vì không hiểu rõ thể

đồng nên thêm lỗi ác cho người khác, trôi lăn từ vô thủy. Nay, biết tức thể không hai, gồm thâu lỗi từ mình, muốn độ chúng sinh quy về bản tánh, chỉ một người ta có thể thành sự này. Nay, nghiệp đã tạo tác là vật chúng sinh. Vì sao? Vì tánh chúng sinh thành nên gọi là lễ hồi hướng chúng sinh.

6. Lễ hồi hướng Bồ-đề: Tự nghĩ bản tánh với giác rốt ráo, quả của chư Phật, đồng một thể không hai. Nay là tức mà không giác biết, nên trôi lăn sinh tử, dứt trừ trở lại cội nguồn, vận chuyển tâm tạo tác, lại không có riêng, từ như thật đến, vì là pháp như thật nên gọi là lễ hồi hướng Bồ-đề.

Nói hồi hướng là hoàn toàn không hồi hướng. Vì sao? Vì là pháp gốc kia không có hồi hướng riêng.

7. Lễ hồi hướng thật tế: Tự nghĩ đã tu, tức là tâm sở hữu thật tế, trí thì vô ngã nên không có hai, không có riêng, gọi là lễ hồi hướng thật tế. Năm lễ trên đều có hai:

1. Khởi tâm hồi hướng, bị Ba thừa quả trách.

2. Hồi hướng nhất thật. Nghĩa là tức tánh như như không hai, không có riêng, không thể tu riêng, không có khởi riêng cầu, vì là một, xưa nay không lay động, là nghĩa thật tế, là nghĩa hồi hướng.

Năm lễ trên, mỗi lễ so sánh mà biết.

Ở trên, nói lễ tùy phương:

1. Nghi thức tùy phương phát ra, cung kính, quỳ xuống, chắp tay, đập đầu đều theo nghi thức của từng địa phương, nên gọi lễ nghi tùy phương.

2. Lễ Phật chế giáo. Phật thành đạo, đầu tiên, vì Trưởng giả Cấp Cô Độc chế ra ý nghĩa lễ kia.

Năm vóc gieo sát đất, đạo tràng, xét ra nhận lấy sự đoan chánh, gọi là lễ chế giáo.

Phật gọi là bầy chúng: Nếu trái với nghi thức này thì đắc tội trái với giáo. Ngoài bầy chúng ra, không theo nghi thức này, không có tội trái với giáo, chỉ có phước theo nghi thức kính lễ ở từng địa phương.

3. Lễ cực thành: Năm vóc gieo sát đất, một hồi lâu mới ngẩng dậy. Hoặc tâm kẻ hành lễ kia trùm khắp, tương đồng với pháp giới, hoặc thân phổ biến, bằng với Nhân-đà-la và vi tế. Hoặc khi thân, tâm trải qua ba đời, chín đời, gọi là lễ thành cực.

Lễ của Nhất thừa đủ các lễ trước. Vì sao? Vì đều thấy, nghe chung.

Các lễ của Ba thừa đều bị Phật quở, chỉ Phật không quở, nghĩa là

nên phân biệt các nghi thức lễ Phật trên, đều y cứ vào điều trước, vẫn Nhất thừa cuộc hạn ở thấy nghe.

CHƯƠNG MƯỜI HIỆU

Nói mười hiệu:

1. Như Lai.
2. Ứng Cúng.
3. Chánh Biến Tri.
4. Minh Hạnh Túc.
5. Thiện Thệ.
6. Thế Gian Giải.
7. Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu.
8. Thiên Nhân Sư.
9. Phật-đà.
10. Thế Tôn.

Mười hiệu phân biệt trên đi suốt qua đạo lý của Nhất thừa, Ba thừa, Tiểu thừa.

Đối tượng đã phân biệt như trên, là Biệt giáo, nghĩa là danh hiệu thuận theo phương có mười muôn ức, cho đến pháp môn phân chia xếp đặt phương mười phương như Nam, Tây, Bắc,.

Chương đạo quyền nói bốn sinh, pháp của Như Lai.

Bốn sinh: là Noãn sinh, thai sinh, thấp sinh và hóa sinh. Bốn sinh thuộc ba cõi. Phật đồng với thai sinh.

Tịnh độ có hai sinh: Nghĩa là thấp sinh, hóa sinh. Vì sao? Vì căn cứ vào hóa sinh đủ tức khắc, hoa sen tịnh độ có thành dần, nên biết có thấp sinh. Phật A-di-đà có cha mẹ của Ngài.

Y cứ theo đây, Phật đồng với thai sinh, vì không có cái quy tắc tiêu chuẩn giống nhau nên không có thai sinh.

Y cứ vào sáu đạo ba cõi, trong người có đủ bốn sinh, súc sinh cũng đủ bốn, trong loài quỷ thì không nhất định. Nếu chánh quỷ thì chỉ hóa sinh, nếu quỷ biên thì chung cho bốn. Địa ngục và trời chỉ là hóa sinh. Cho nên, luận Tiểu thừa nói: “Bốn sinh gồm sáu đường, chứ không phải đạo gồm sáu ở sinh. Vì sáu đường có bốn sinh, nên bốn sinh gồm sáu đường. Sáu đường không nhất định hai song một, vì sáu đường này không gồm sáu sinh, về nghĩa khác như ở chương riêng.

Phân chia xếp đặt của giáo bốn sinh phân biệt ở trên, so sánh phân biệt ở trước khác.

CHƯƠNG MƯỜI THỨ TỊNH ĐỘ:

Theo nghĩa Tiểu thừa không có tịnh độ riêng. Theo nghĩa của ba thừa thì có tịnh độ riêng. Lược so sánh có bốn:

1. Tịnh độ hóa: Nghĩa là các phương hóa hiện ra tịnh độ.
2. Tịnh độ sự: Tịnh độ các phương do các thứ báu hình thành.
3. Tịnh độ thật báo: Nghĩa là do các lý hạnh tạo thành.
4. Tịnh độ pháp tánh, gọi là chân như, vì y chỉ bốn vô trụ, lập tất cả pháp.

Tịnh độ của Nhất thừa chuẩn y có mười. Phật vì bốn cõi thiên hạ trong thế giới Ta-bà này mà giáo hóa tất cả:

1. Có các thứ thân.
2. Có các thứ danh.
3. Có các nơi chốn.
4. Có các thứ hình sắc và có các thứ dài, ngắn.
5. Có các thứ mạng sống lâu.
6. Có các thứ đắc kể cả các nhập.
7. Có các thứ các căn.
8. Có các thứ xứ sinh.
9. Có các thứ nghiệp.
10. Có các thứ quả báo.

Các thứ như thế khác nhau, đối tượng mà chúng sinh thấy cũng khác.

Hỏi: Muốn nói tịnh độ vì sao lại nói về sự phân chia xếp đặt chúng sinh khác nhau?

Đáp: Cõi nước Phật tự lưu thông bình đẳng với pháp giới không có riêng, có thể riêng. Vì sao? Vì cõi Phật này được gọi là pháp giới. Nếu muốn nhận lấy, biết riêng sự phân chia, xếp đặt chúng sinh kia thì phải y cứ vào sự khác nhau của hạnh nghiệp, tâm chúng sinh với nước định thêm bớt, lên xuống, trong đục, ẩn thành cõi Phật cũng khác nhau, nên Văn-thù-sư-lợi đã khen cõi nước sâu khác, ký thác chúng sinh kia thành tướng mạo cõi nước.

Hỏi: Tịnh độ của Nhất thừa có khác nhau lớn, nhỏ, nhiều, ít, nhiều, tịnh, làm sao biết được sự phân chia xếp đặt đồng khác?

Đáp: Tịnh độ của Nhất thừa thì một tức là nhiều, nhiều tức là một, đủ như địa luận có giải thích rộng. Muốn biết phân lượng chính xác mười vị Phật kia, thì có thể biết, phân lượng rộng hẹp, khác nhau với tịnh độ mà ba thừa đã nói, so với biển thế giới cũng riêng khác không đồng. Nếu biển thế giới ở trong thời gian thì sẽ đồng với chỗ mà chúng

sinh đã thấy nghe kia.

Nói về các tịnh độ Phật không đồng với cái gọi là, cho nên không đồng.

Tướng khác của tịnh độ Ba thừa đã được ghi chép, phân biệt ở trên, chỉ phân biệt với ngu pháp của Tiểu thừa.

Hỏi: Nếu vậy thì vì sao luận nói rằng: “Có tịnh độ mâu nhiệm, A-la-hán sẽ sinh về đó”, phải biết rằng Tiểu thừa cũng có tịnh độ phải không?

Đáp: Tiểu thừa không có tịnh độ, sở dĩ biết được là vì hễ muốn sinh tịnh độ thì phải có nghiệp tập. Tiểu thừa chán ngán sắc tâm của mình, ưa thích vô dư kia, thì do đâu mà được sinh tịnh độ.

Nay, nói sinh, nghĩa là dẫn lời của Tiểu thừa để chứng minh A-la-hán, trước đó đã có hạt giống tịnh độ, nên khi chứng được La-hán sẽ sinh về cõi nước đó, hoặc đại A-la-hán này tức là Bồ-tát, sẽ sinh về tịnh độ đó, nên có thể biết.

PHẨM TỨ ĐẾ LẬP CHƯƠNG TỨ ĐẾ

Theo kinh Niết bàn, khổ có ba thứ:

1. Khổ loại.
2. Khổ đế.
3. Khổ Thánh đế.

Tập, diệt, đạo cũng đồng. Khổ loại, phàm phu được. Khổ đế, Thanh văn được. Khổ Thánh đế, Bồ-tát được.

Khổ loại: Loại, dòng nhà khổ, như khổ khổ, hoại khổ, v.v... ép ngặt tâm mình mà không có lý lẽ của nỗi khổ kia.

Khổ đế: Có đạo lý vô thường. Trái lại phàm, trở thành Thánh, vì từ lý sửa cho đúng, nên được gọi tên là đế.

Khổ Thánh đế: Được phần pháp vô ngã, là đối tượng nương tựa của mình, vì thuận với lý, nên được danh hiệu Thánh, cũng gọi bốn đế hữu vi, bốn đế vô vi.

Thánh đế: Tức bốn đế vô vi, nên kinh Thập Trụ chép: “Lại dùng khổ, tập, tận, đạo để phân biệt năm ấm. Sinh diệt có thêm có bớt mà đều vô hình. Khổ sinh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ ưu bi não, khổ oán ghét gặp mặt, khổ ân ái biệt ly, điều mình mong muốn mà không được, cũng là khổ.

Tóm lại, khổ năm ấm thịnh là hơn hết, gọi là biết khổ. Tìm tòi, quán sát cội nguồn, do nhánh nhóc khổ, bề đẳng sinh ra là tập. Tham vướng mắc, tập quen ái dục và quý trọng, không biết đó là tai họa, vì

biết mà xa, nên nói là biết tập. Các vết nhơ bản dứt trừ hẳn, không còn tạo cái mới. Vì sự mong muốn đã hoàn tất, nên không thể sinh lại. Sắc hiện tìm diệt theo, không để cho ngưng đọng. Hiểu rõ tập khổ thường vắng lặng, đó gọi là biết tận. Nhận hiểu đạo tám chánh cũng không có thể tánh gần xa, chỗ dừng nghỉ gần xa biến hóa vô cùng mà không thể hết. Gọi sạch trần nhơ, soi sáng sự ngu mê tăm tối, thể không có hình, không có tiếng, còn, mất, vì các mê hoặc, dùng đạo dẫn dắt đi đầu, đi vào con đường vô vi, nên gọi là biết đạo.

Bồ-tát phân biệt bốn đế cũng không thủ chứng. Muốn che chở cho tất cả những người còn ở trong sinh tử. Tướng của chân đế không có tướng, không có hình mà không thể nhận thấy, xét tra, hiểu biết như gốc, tức thích ứng với pháp tánh. Ngôn giáo thế tục giả gọi có danh, thật ra, thể chữ, không sinh, không diệt, không có đối tượng ô nhiễm chấp mắc, được tâm Thánh đế, chẳng nghĩ nhớ có, không.

Xét tra hiểu gốc: Tất cả các sắc đều bình đẳng, cũng không có cao thấp.

Nếu sinh rSa gần ấy tâm thì đây gọi là phân biệt Thánh đế. Đế hữu vi kia như ngu pháp của Tiểu thừa, trong tông đủ phân biệt thật. Nếu là đế của Nhất thừa thì rất ráo Biệt giáo, thuận theo danh tự sai biệt của một thế giới, có bốn mươi ức trăm ngàn na-do-tha mười phương như thế, thuận theo các chúng sinh, đối tượng thích hợp điều phục, nói như vậy: “Bốn đế được phân biệt trên, gồm thâu các giáo ở dưới. Đốn thuộc về nghĩa bốn giáo của phần trên. Tiệm từ cuối hết của giáo kia, nghĩa lý phân biệt xếp đặt đều y theo sự hiểu biết trên”.

Lập chương Nghiệp thành tựu trong phẩm Kiến Lập Nghiệp, quang minh giác: Y cứ vào ba thừa, cái gọi là ba nghiệp thân, miệng, ý, hoặc thiện, hoặc bất thiện và vô ký. Hoặc lậu, vô lậu; hoặc hữu vi, vô vi. Vì sao? Vì nghiệp tức như. Nếu nói về thể của nghiệp kia, thì tánh biểu, vô biểu, hoặc nói tác, vô tác. Tác thân nghiệp, dùng có thể thấy sắc, hữu đối làm thể. Tác khẩu nghiệp, dùng không thể thấy sắc, hữu đối làm thể.

Hai nghiệp vô tác, dùng không thể thấy sắc không có đối làm thể. Ngu pháp của Tiểu thừa danh đồng với thể này, nghĩa tức có, không khác nhau.

Nếu tác tâm nghiệp thì sẽ dùng tâm làm thể, vô tác, lấy phi sắc, phi tâm làm thể, phi sắc, phi tâm, danh đồng với Tiểu thừa, nghĩa chúng khác nhau với Tỳ-đàm và Thành Thật.

Đây là y cứ vào sơ giáo của Ba thừa, Chung giáo tức chân như.

Nếu y cứ vào Viên giáo thì sẽ gồm thâm đủ nghĩa trước và dung thông tự tại.

Nghiệp phân biệt trên thành tựu, y cứ vào nghiệp thành tựu để giải thích, đả phá rộng chấp của Tiểu thừa. Đại thừa tự thành vì chỉ y cứ vào phương tiện, để nói về thể của chánh nghiệp nên chỗ tiếng, kể cả tánh nghiệp cũng không có khả năng phân biệt.

Luận này y cứ vào giáo ban đầu, giáo còn lại có thể so sánh, mà biết.

CHƯƠNG NĂM ẤM

Năm ấm cũng gọi là năm uẩn. Nghĩa là sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Hỏi: Nghĩa uẩn như thế nào?

Đáp: Các sắc sở hữu, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc kém, hoặc hơn, hoặc xa, hoặc gần.

Tất cả sắc đó, lược nói về nghĩa chứa nhóm của một sắc uẩn, như uẩn của vật báu. Như thế cho đến thức uẩn, phải biết y chỉ mười một thứ đối tượng nương tựa của ái, nên đối với pháp sắc, kiến lập sự khác nhau của quá khứ.

Mười một thứ ái: Nghĩa là ái đoái nghĩa lưu luyến, ái hy vọng, ái chấp vướng mắc, ái ngã nội, ái cảnh giới, ái dục, ái định, ái ác, ái khổ, ái ưa diệu hạnh, ái xa, gần.

Vì cảnh đối tượng duyên ái như thế, nên như thứ lớp lập các thứ sai biệt quá khứ. Lại có sai biệt, gọi là sai biệt đã sinh, chưa sinh, là sai biệt chủ thể lấy, đối tượng lấy, là sai biệt môn ngoại, môn nội, là sai biệt nhiễm, không nhiễm, là sai biệt gần, xa.

Như đối tượng thích hợp đó, đối với các pháp sắc kiến lập sự sai biệt quá khứ.

Đã sinh là hiện tại, quá khứ; Chưa sinh gọi là vị lai, môn ngoại là địa bất động, môn nội là các địa định. Câu khác để hiểu không phân biệt.

Lại, tướng khổ vì rộng lớn nên gọi là uẩn, như uẩn đại tài, nương tựa sắc, vì phát khởi nổi khổ rộng lớn sinh, như kinh nói: như thế, hoàn toàn nhóm họp uẩn khổ của đại chúng.

Lại, gánh vác tạp nhiễm, các pháp tạp nhiễm phiền não, vì nương tựa sắc. Ví như một bộ phận thân thế gian có công năng gánh vác, tức một phần này gọi là vác, gọi là uẩn. Sắc cũng vậy, vì có công năng

gánh vác tạp nhiễm, gọi là uẩn.

Hỏi: Phân biệt rộng về nghĩa uẩn ra sao? Thế nào là có thật? Bao nhiêu là có thật? Vì sao mà nên quán có thật?

Đáp: Căn cảnh khác này là nghĩa có thật, tất cả đều là có thật. Vì bỏ chấp vướng mắc có thật ngã, nên quan sát có thật, cho nên kiến lập ba câu hỏi này: Vì dứt sự tướng hai ngu và vì chấp tăng ích.

Như thế, so sánh mà biết, nghĩa uẩn phân biệt ở trên, Thanh văn tức là thật, giáo đầu tiên tức là không, Chung giáo tức như, Nhất thừa tức pháp giới vô vi.

PHỤ THÊM THEO CHƯƠNG MƯỜI TÁM GIỚI

Thế nào là kiến lập giới? Nghĩa là sắc uẩn tức mười giới, giới năm căn nhãn, giới năm cảnh sắc, và một phần giới pháp. Thọ, tưởng, hành, uẩn tức một phần pháp giới. Thức uẩn tức giới bảy thức, nghĩa là giới sáu thức như nhãn, v.v... và giới ý.

Vì sao kiến lập giới, xứ không có tướng riêng?

Đã nói trong kiến lập uẩn, vì nhãn, v.v... đều là tướng riêng, cho nên, từ trong các uẩn phát ra giới kiến lập, từ trong các giới phát ra xứ kiến lập.

Thế nào là không thuộc về uẩn pháp giới?

Uẩn pháp vô vi trong không thuộc về pháp giới.

Pháp vô vi này lại có tám thứ:

1. Chân như của pháp lành.
2. Chân như của pháp chẳng lành.
3. Chân như của pháp vô ký.
4. Hư không.
5. Phi trạch diệt.
6. Trạch diệt.
7. Bất động.
8. Tưởng thọ diệt.

Như thế trong tám vô vi được kiến lập, phải biết vì sự khác nhau của đối tượng nương tựa nên phân tích chân như, vì giả lập ba thứ không do tự tánh.

Chân như của pháp lành: Tánh vô ngã, tánh không, thật tế vô tướng, pháp giới thắng nghĩa.

Vì sao chân như gọi là chân như?

Do tự tánh của chân như kia không có thay đổi, nghĩa là tất cả thời gian không có ngã, vì tánh thật không có đổi thay, chuyển biến, nên nói

không có thay đổi khác. Phải biết rằng, chân như này tức là tánh vô ngã, vì là hai ngã.

Vì sao lại nói chân như này gọi là tánh không?

Vì tất cả tạp nhiễm không ô nhiễm. Vì sao? Vì duyên này nên có thể khiến tất cả các sự tạp nhiễm đều vắng lặng, dù có lúc nói có tạp nhiễm. Phải biết rằng chỉ là bị ô nhiễm do phiền não khách trần.

Thế nào gọi là khách trần ô nhiễm?

Nghĩa là do chưa cứu vớt hạt giống của chủ thể, đối tượng nhận lấy, nên thiếu chuyển biến hai tánh tướng của tâm, tánh y tha, chẳng phải tâm pháp tánh, vì pháp tánh của các pháp thanh tịnh.

Sao lại nói chân như này là vô tướng?

Vì các tướng vắng lặng, các tướng, nghĩa là sắc, thọ, v.v... cho đến các đối tượng hý luận Bồ-đề. Vì tướng vắng lặng kia ở trong tánh chân như nên gọi là Vô tướng.

Vì sao lại nói chân như này là Thật tế?

Vì đối tượng duyên không có trái ngược. Thật, nghĩa là không có điên đảo, vì cuối cùng của xứ này, nên gọi là tế. Vượt qua tánh vô ngã, lại vì không có đối tượng mong cầu.

Vì sao nói chân như này là Thắng nghĩa?

Vì sự thực hành của Thánh trí là vượt hơn hết.

Vì sao lại nói chân như này là pháp giới?

Vì là tướng, đối tượng nương tựa, pháp mẫu của tất cả Thanh văn, Duyên giác, chư Phật. Như chân như của pháp lành, phải biết rằng chân như của pháp chẳng lành, chân như của pháp vô ký cũng giống như vậy.

Hư không, nghĩa là tánh không có sắc, che chở, tiếp nhận tất cả nghiệp đã gây tạo. Tánh không có sắc, nghĩa là chỉ trái với sắc. Pháp của tướng không có tánh, cảnh giới của ý thức, đó gọi là hư không.

Cảnh giới của ý thức, nghĩa là vì thuộc về pháp giới nên chỉ trái với sắc, vì thọ, v.v... riêng, có chung chân như, trạch diệt, chẳng phải tánh diệt vô thường, mặc dù sừng thỏ cũng chẳng có tánh, nhưng chúng không mâu thuẫn với các pháp, vì chúng chỉ là cuối cùng không có. Lại, sừng thỏ chẳng phải chỉ trái với sắc, mà là vì chung với các pháp thọ, v.v...

Cho nên, chỉ nói mâu thuẫn với sắc.

Nói tướng không có tánh, vì pháp chẳng có sắc, thọ riêng. Vì sao? Vì tự thể của thọ v.v... là tướng có tánh, vì không phải tướng chẳng có tánh, nên phi trạch diệt, nghĩa là diệt chẳng phải là trói buộc, vì không

là hẩn có hai tùy miên. Trạch diệt, nghĩa là diệt, là lia trói buộc, vì vĩnh viễn có hại tùy miên.

Không lay động: Nghĩa là đã lia dục biến tịnh, chưa lia dục trên. Khổ vui diệt, vô vi tướng, thọ diệt, nghĩa là đã lia dục vô sở hữu xứ, vượt qua Hữu đẳng, tạm dứt ý tướng tác làm ưu tiên, nên các tâm, tâm pháp không thường hiện hành và thường hiện hành một phần tâm, tâm sở diệt, lập vô vi. Phải biết, trong đây có hai pháp nên dứt, đó là các phiền não và thọ, đối tượng nương tựa này. Thọ có hai thứ, gọi là thay đổi khác và không thay đổi khác, như thứ lớp đó, khổ vui, chẳng phải khổ vui. Phải biết: Một là vì phiền não dứt nên lập ra trạch diệt. Hai là vì dứt thọ nên như thứ lớp đó kiến lập Bất động và Diệt Thọ tướng.

Như thế, kiến lập trong tám vô vi. Phải biết rằng vì sự khác nhau của đối tượng nương tựa nên phân tích chân như, giả lập ba thứ, vì không do tự tánh nên chân như pháp lành, nghĩa là tánh vô ngã, tánh không, thật tế vô tướng, pháp giới thắng nghĩa.

Vì sao chân như gọi là chân như? Vì tự tánh của chân như kia không có thay đổi. Nghĩa là tất cả thời gian không có ngã, vì thật tánh không có chuyển biến, thay đổi, nên nói là không có thay đổi. Phải biết rằng tức là tánh vô ngã, vì lia hai ngã.

Vì sao lại nói chân như này gọi là tánh không?

Vì tất cả tạp nhiễm không ô nhiễm. Vì sao? Vì duyên này nên có thể khiến tất cả các sự tạp nhiễm đều vắng lặng. Dù lại có lúc nói có tạp nhiễm, phải biết rằng chỉ là khách trần bị ô nhiễm do phiền não.

Thế nào gọi là khách trần ô nhiễm?

Nghĩa là vì chưa nhổ hạt giống đối tượng nhận lấy, chủ thể nhận lấy, nên khiến chuyển biến hai hành tướng tâm tánh y tha, không phải tâm pháp tánh, vì pháp tánh thanh tịnh của các pháp.

Vì sao lại nói chân như này là vô tướng?

Vì các tướng vắng lặng.

Các tướng: Nghĩa là sắc, thọ, v.v... cho đến các đối tượng hý luận đối với Bồ-đề, vì tướng vắng lặng kia trong tánh chân như, nên gọi là vô tướng.

Vì sao lại gọi Chân như này là Thật tế?

Vì đối tượng duyên không có trái ngược.

Thật, nghĩa là không có điên đảo, vì chỗ này cuối cùng nên gọi là tế, vì vượt qua vô ngã, lại không có đối tượng mong cầu.

Vì sao lại gọi Chân như này là Thắng nghĩa?

Vì vượt hơn lĩnh vực mà Thánh trí đã vận hành.

Vì sao lại gọi Chân như này là Pháp giới?

Vì là tướng của đối tượng nương tựa của Thanh văn, Duyên giác, pháp mầu của chư Phật. Như chân như của pháp lành, phải biết chân như của pháp chẳng lành, chân như của pháp vô ký cũng như vậy.

Hư không: Nghĩa là tánh không có sắc, vì dung nạp tất cả nghiệp đã gây ra. Tánh không có sắc, nghĩa là chỉ trái với sắc, pháp của tướng không có tánh, cảnh giới của ý thức, gọi là hư không. Cảnh giới của ý thức, nghĩa là vì thuộc về pháp giới nên chỉ trái với sắc, nói là thọ, v.v... riêng; Có chung chân như trạch diệt, phi trạch diệt, tánh vô thường v.v... Mặc dù sừng thỏ v.v... cũng chẳng có tánh, nhưng nó không mâu thuẫn với các pháp, vì nó chỉ là cuối cùng không có. Lại, sừng thỏ, v.v... không phải chỉ trái với sắc, vì chung với các pháp thọ, v.v... Cho nên chỉ nói trái với sắc.

Tướng không có tánh, nói là pháp không có sắc của thọ, v.v... riêng. Vì sao? Vì tự thể của thọ v.v... là tướng có tánh, vì chẳng phải tướng không có tánh.

Phi trạch diệt, nghĩa là diệt này không phải lìa trói buộc, vì không mãi mãi hại tùy miên.

Trạch diệt, nghĩa là diệt này là lìa trói buộc, vì mãi mãi hại tùy miên. Không lay động, nghĩa là đã lìa dục của biến tịnh, chưa lìa dục cõi trên. Khổ, lạc diệt, vj, tướng thọ diệt. Nghĩa là đã lìa dục của vô sở hữu xứ, siêu vượt qua hữu đẳng, tạm thôi dứt ý tương tác, làm ưu tiên nên các tâm, tâm pháp không thường vận hành và một phần tâm, tâm sở diệt thường hiện hành, vô vi, phải biết trong đây có hai pháp nên dứt, đó là các phiền não và thọ đối tượng nương tựa này.

Thọ có hai thứ: Một là thay đổi và không thay đổi, như thứ lớp của thọ. Khổ, lạc, chẳng phải khổ, lạc, phải biết vì phiền não dứt nên kiến lập trạch diệt. Hai là vì thọ đoạn như thứ lớp của thọ, kiến lập bất động và thọ tướng diệt. Phiền não đoạn. Nghĩa là trừ sự thô nặng của phẩm này đã được chuyển y.

Thọ đoạn: Nghĩa là trừ định, chủ thể trị này, chướng, đã được chuyển y, cho nên, khi được tĩnh lự thứ hai, dù chứng khổ diệt, nhưng không kiến lập vô vi, do trái, khác với thọ, vì chưa dứt hết. Lại, khổ năm thứ, nếu sắc, thọ, tưởng, hành, uẩn và tám pháp vô vi đã nói ở đây, mười sáu như thế, gọi chung là pháp giới năm thứ sắc, nghĩa là sắc cực lược, sắc cực hoảnh, sắc do thọ dẫn, sắc do biến kế dẫn, sắc do tự tại sinh.

Hỏi: Giới nghĩa là gì?

Đáp: Nghĩa hạt giống của tất cả pháp. Nghĩa là y chỉ chủng tử các

pháp trong thức A-lại-da, gọi là giới, vì giới là nghĩa nhân. Lại, nghĩa hay giữ gìn tự tướng, là nghĩa giới, công năng gìn giữ tánh nhân quả. Nghĩa là các giới căn, cảnh trong mười tám giới, các giới và giới sáu thức như thứ lớp của giới đó. Lại, nghĩa gồm thâu, gìn giữ sự khác nhau của tất cả pháp là nghĩa giới.

Gồm thâu, gìn giữ sự khác nhau của tất cả pháp, nghĩa là các kinh nói: “Các giới địa, v.v... và giới khác tùy thuộc vào đối tượng thích hợp, đều thuộc về mười tám giới”.

Nếu y cứ theo Tiểu thừa thì thuộc về thật, nếu y cứ theo sơ giáo thì thuộc về không. Không, nghĩa là không vô phân biệt. Nếu y cứ Chung giáo thì thuộc về chân như, nghĩa là không bị hệ thuộc. Nếu y cứ Đốn giáo thì không thể nói, nếu y cứ Nhất thừa thì như trước đã nói, tất cả nghĩa khác như chương riêng.

PHỤ THÊM CHƯƠNG MƯỜI HAI XỨ

Thế nào là kiến lập xứ? Nghĩa là mười giới sắc, tức mười xứ sắc. Giới bảy thức tức xứ ý, giới pháp tức xứ pháp, do đạo lý này đối với ba pháp thuộc uẩn, giới, xứ, nghĩa là giới pháp sắc uẩn và giới xứ ý. Do sắc uẩn gồm thâu mười giới sắc. Pháp giới gồm thâu giới pháp, xứ ý gồm thâu giới bảy thức, cho nên, ba pháp gồm thâu tất cả pháp.

Hỏi: Nghĩa xứ là thế nào?

Đáp: Nghĩa môn thức sinh trưởng là nghĩa xứ, nên biết nghĩa hạt giống gồm thâu tất cả pháp. Nghĩa khác nhau cũng là nghĩa xứ. Lại nữa, như Phật nói: “Sắc như đồng nước bọt, thọ như bọt nước trôi nổi, tưởng như ánh nắng mặt trời, hành như cây chuối, thức như trò ảo thuật biến hóa”.

Hỏi: Vì sao sắc như đồng bọt nước, cho đến thức như trò ảo thuật biến hóa?

Đáp: Vì không có ngã, vì lìa tịnh, vì ít vị, vì không bền chắc, vì không thật, nghĩa là không phải xa lìa luống dối, không vững chắc.

Nghĩa thật là các câu nghĩa mà kinh đã nói. Lại, vì đối trị với bốn điên đảo ngã, tịnh, lạc, thường nên như thứ lớp đó, nói các câu khác nhau vô ngã. Dùng nghĩa này để so sánh với nghĩa của giáo ban đầu, không đồng với Tiểu thừa. Nếu nhập chung giáo, cho đến Viên giáo, như môn giới đã nói, nghĩa khác có nói trong chương riêng.

NÓI VỀ PHẨM VẤN NẠN, ĐẦU TIÊN, LẬP CHƯƠNG DUY THỨC, DUY THỨC LƯỢC CÓ MƯỜI MÔN

Nêu số.

2. Nêu danh.

3. Nêu ra thể.

4. Nói về giáo khởi ý.

5. Kiến lập.

6. Nói về thành tựu, không thành tựu.

7. Nói về đối trị diệt, không diệt.

8. Nói huân tập, không huân tập.

9. Nói về chân, vọng khác nhau.

10. Quy thành tánh, vô tánh nghĩa đệ nhất.

1. Đầu tiên là nêu, nghĩa là nhất tâm, tức tâm thanh tịnh đệ nhất nghĩa.

+ Nêu ba pháp, nghĩa là chỉ lượng, chỉ hai và mỗi thứ. Lại, có ba pháp, nghĩa là ba thứ tâm, ý, thức thành tám thức. Năm thức như nhãn, v.v... ý thức, thức mặt-na, thức A-lại-da.

+ Thành chín thức, nghĩa là thêm thức a-ma-la.

+ Thành mười tâm, nghĩa là mười rừng rậm, như Địa Luận chép: “Bồ-tát này biết như thật các tâm chúng sinh, mỗi thứ tâm tướng, tâm tướng lẫn lộn, tâm khinh tướng sinh, không sinh, tâm không có hình tướng, vô biên tất cả xứ, tâm rất nhiều tướng, tâm tướng thanh tịnh, tâm tướng nhiễm, không nhiễm, tâm tướng ràng buộc, giải thoát, tâm tướng huyền khởi, tâm tướng thuận theo đạo sinh, cho đến vô lượng trăm ngàn các thứ tướng khác nhau của tâm, đều biết như thật.

+ Thành mười một thức, nghĩa là thân thức, số thức, xứ thức, ngôn thuyết thức, tự tha sai biệt thức, hai đạo thiện ác sinh tử thức.

+ Gồm sáu làm bốn:

1. Thức giống như trần.

2. Thức giống như căn.

3. Thức giống với ngã.

4. Thức giống với thức.

+ Hoặc triển khai vô lượng, như Địa Luận chép: “Cho đến vô lượng trăm ngàn các thứ tướng sự việc của tâm”.

2. Nêu danh, Nghĩa là thức A-lại-da, thức A-đà-na, tâm, ý, thức, cho đến tận cùng uẩn sinh tử, v.v... bảy thức còn lại có thể biết.

3. Phát ra thể, cuối cùng dùng Như Lai tạng làm thể. Sở dĩ biết được là vì kinh Thắng-man chép: “Do có pháp Như Lai tạng gieo trồng

các nỗi khổ, cho đến vì ưa cầu Niết-bàn nên biết được. Lại, Như Lai tạng không nhiễm mà nhiễm, y cứ vào Như Lai tạng này tức là thể sinh tử nhiễm mà không nhiễm. Y cứ vào sinh tử này tức là Niết-bàn, không còn có pháp nào khác”. Lại, Văn kinh chép: “Sáu thức và tâm pháp trí là sự sinh diệt kia, không đáng nương tựa, chỉ Như Lai tạng không khởi, không diệt, trở thành chỗ nương tựa rốt ráo”.

4. Giáo khởi ý: Nhiếp Luận bản dịch đời Lương chép: “Do thuộc về cảnh giới sâu kín của tâm thức này, nên Phật không vì Thanh văn, Nhị thừa mà nói, mà vì các Bồ-tát giảng nói, nên có quả vị vượt hơn, vì được trí Nhất thiết, nên Phật nói. Vì sao? Vì nếu là trí này mà được vô thượng Bồ-đề thì không có việc đó.

5. Kiến lập, có ba:

Một là y cứ Tập Tập, Du-già, v.v... chép: “Tám tướng nói về kiến lập”.

Hai là y cứ theo Nhiếp Luận chép: “Ba tướng, v.v... tám nghĩa nói về kiến lập.

Ba là y cứ luận Hiến Dương chép: “Mười chín tướng nói về kiến lập”.

Tám tướng đầu tiên, luận Tập Tập chép: “Làm sao biết có thức A-lại-da? Nếu không có thức này thì chấp thọ đầu tiên đã hiểu rõ sáng suốt nghiệp hạt giống, thân, thọ không có làm, thì quyết định qua đời sẽ không có, đều không hợp lý”.

Giải thích Già-tha này, như Nhiếp quyết trạch phần chép: “Do tám thứ tướng chứng minh thức A-lại-da quyết định là có”, nghĩa là nếu là thức A-lại-da vì y chỉ chấp thọ không thật có, vì đầu tiên sinh khởi không thật có, vì hiểu rõ sáng suốt sinh khởi không thật có, vì thể tánh chủng tử không thật có, vì thể tánh nghiệp dụng không thật có, vì thể tánh thân, thọ không thật có, vì ở định vô tâm không thật có, nên mạng chung không thật có”.

Sao là y chỉ chấp thọ không thật có?

Vì năm nhân, nghĩa là nhân hạnh trước của thức A-lại-da cảm các chuyển thức như nhãn v.v... hiện duyên nhân phát, như nói căn cảnh vì sức tác ý, nên các chuyển thức sinh, cho đến nói rộng, đây gọi nhân ban đầu. Lại, việc thiện ác của thân sáu thức có thể được, là nhân thứ hai. Lại, một loại của thân sáu thức thuộc về tánh vô ký dị thực, tất nhiên không thật có, là nhân thứ ba. Lại, thân sáu thức đều chuyển y riêng, tùy thuộc vào đối tượng y chỉ, khi thức kia sinh tức là đối tượng nương tựa chấp thọ kia, không có chấp thọ khác, là không hợp lý. Dù cho thừa

nhận chấp thọ cũng không hợp lý, vì lìa thức nên là nhân thứ tư. Lại, đối tượng nương tựa lẽ ra trở thành lỗi lầm thường chấp thọ. Vì sao? Vì nhân thức kia có lúc chuyển, có lúc không chuyển, thức khác cũng thế, là nhân thứ năm.

Sao đầu tiên duyên khởi không thật có chăng? Nghĩa là nếu có câu hỏi rằng: “Nếu có thức A-lại-da thì một hữu tình, hai thức đều cùng khởi, nên bảo người kia: “Ông đối với không phải lỗi, mà vọng sinh tưởng lỗi, chấp nhận có hai thức đều có lúc cùng chuyển. Vì sao? Vì cũng như một người đều cùng thời điểm muốn thấy, cho đến muốn nhận thức, tùy thuộc có một thức, đầu tiên sinh khởi, không hợp với đạo lý. Vì sao? Vì lúc bấy giờ tác ý không có khác nhau, vì căn và cảnh giới không hoại hiện tiền, vì nhân duyên nào nên thức không cùng chuyển.

Sao hiểu rõ sinh khởi không thật có chăng? Nghĩa là nếu có chấp nhất định thì thức không đều cùng sinh, thức và nhãn đều cùng hiện hành một cảnh, ý thức thấu đạt sáng suốt lẽ ra không thật có. Vì sao? Vì hoặc có lúc tùy thuộc nhớ nghĩ đến cảnh từng đã cảm thọ. Bấy giờ, ý thức không sáng tỏ sinh, không sáng rõ như thế, cho nên lẽ ra phải tin các thức đều cùng chuyển, hoặc lẽ ra phải thừa nhận tánh không có sáng rõ của ý thức thứ sáu kia.

Sao thể tánh của hạt giống không thật có chăng?

Vì rằng mỗi thân có sáu chuyển thức đều khác nhau. Vì sao? Vì sáu chuyển thức này đều từ tánh vô gián thiện, bất thiện sinh, vô gián bất thiện, tánh thiện lại sinh, từ hai tánh vô ký vô gián sinh, cõi giữa, vô gián cõi dưới sinh, cõi diệu, vô gián cõi giữa sinh, vô gián cõi diệu cho đến cõi dưới sinh, vô lậu, vô gián hữu lậu sinh, hữu lậu, vô gián vô lậu sinh, xuất thế gian vô gián thế gian sinh, thế gian vô gián xuất thế gian sinh, không phải thức tướng như thế làm thể hạt giống thích ứng với lý chánh đạo. Lại, tâm nối tiếp nhau gián đoạn trong thời gian dài, trải qua trôi lăn lâu dài không dứt. Cho nên, chuyển thức có công năng gìn giữ hạt giống, không hợp lý.

Thế nào là tác dụng nghiệp không thật có?

Nghĩa là nếu không có các thức sinh khởi, đồng thời tác dụng nghiệp đều cùng chuyển vận thì sẽ không hợp lý. Vì sao? Vì lược nói nghiệp thức có bốn thứ, nghĩa là thấu đạt khí ngoại, thấu đạt y chỉ, công năng thấu đạt ngã, thấu đạt cảnh giới.

Nghiệp hiểu biết của bốn thứ thức như thế, mỗi một sát-na đều biến hiện có thể được, không phải ở một thức trong một sát-na mà có những nghiệp dụng khác nhau như thế.

Cho nên phải có các thức đều cùng khởi.

Vì sao thể tánh của thân, thọ không thật có?

Cũng như có người hoặc suy nghĩ đúng lý, hoặc suy nghĩ không đúng lý, hoặc không suy nghĩ, hoặc lại tìm tòi, hoặc tâm ở trong định, hoặc không ở trong định. Thân thọ sinh khởi, chẳng phải số nhiều. Nếu không có thức A-lại-da thì thân thọ như thế, lẽ ra không thể được. Đã hiện có thể được, cho nên nhất định có thức A-lại-da.

Ở định vô tâm không thật có chăng? Như Đức Thế Tôn nói: “Nhập định Vô tưởng và định diệt tận phải biết rằng, bấy giờ thức không là thân. Nếu không có thức A-lại-da thì thức lẽ ra lìa thân, nếu thức lìa thân thì đó là bỏ mạng, không phải gọi là xứ định.

Thức của mạng chung không thật có là sao?

Nghĩa là khi sắp qua đời thức lìa bỏ dần, phần thân đối tượng nương tựa, phát khởi chạm sát lạnh, hoặc trên, hoặc dưới, không phải ý thức kia, vì có lúc không chuyển biến, nên biết chỉ có thức A-lại-da năng giữ gìn thân, tùy thuộc vào phần thân. Nếu bỏ thức này thì chạm sát lạnh có thể được. Thân không có giác thọ, ý thức thì không phải như vậy. Cho nên, nếu không có thức A-lại-da thì thức của người chết tất nhiên không thật có.

Hỏi: Như văn luận trước kia có nói: “Tâm, nghĩa thức A-lại-da đã huân tập tất cả hạt giống do tập khí của uẩn, giới, xứ, cũng gọi là thức dị thực, cũng gọi thức a-đà-na, vì công năng chứa nhóm các tập khí. Tập khí, nghĩa là do uẩn v.v... hiện hành, khiến cho hạt giống kia đều được tăng ích. Tất cả hạt giống thức, nghĩa là công năng sinh hạt giống của các pháp như uẩn, v.v... đã được chứa nhóm.

Thức A-lại-da có công năng gồm thâu, chứa giữ hạt giống các pháp. Lại vì các hữu tình nhận lấy làm ngã.

Thức dị thực: Vì nghiệp trước đã sinh.

Thức A-đà-na: công năng thường làm cho sinh ra nối tiếp nhau, gìn giữ các căn, không để cho hư hoại. Lại, nói tâm: công năng chứa nhóm tập khí của tất cả pháp. Y cứ vào tướng văn này, thức A-lại-da tức ở trong sự.

Làm sao biết được là Như Lai tạng?

Đáp: Do Như Lai tạng không nhiễm mà nhiễm là sự tướng kia, không có sự có riêng, là Như Lai tạng, nên luận chép: “Ngoài thức không còn có pháp nào khác.

Nương tựa Nhiếp luận, kiến lập A-lại-da chăng? Có tám nghĩa, đầu tiên, y cứ ở nghĩa ba tướng biết có bản thức.

Y cứ ở nghĩa huân tập thành có bản thức.

Y cứ ở nghĩa làm nhân quả lẫn nhau trở thành có bản thức.

Y cứ nghĩa không là một, không là khác, trở thành có bản thức.

Y cứ vào nghĩa riêng, không riêng của nhân quả, trở thành có bản thức.

Y cứ vào nghĩa duyên sinh trở thành có bản thức.

Y cứ vào nghĩa đủ, không đủ của nhân duyên kia, trở thành có bản thức.

Y cứ hội danh quy chánh trở thành có bản thức.

Đầu tiên, y cứ vào ba tướng để kiến lập Lại-da. Ba tướng đó là:

Một là thuộc về tướng nhân, tất cả nhân vẫn sử dụng làm nhân lẫn nhau là bắt đầu. Vì sao? Vì làm nhân lẫn nhau, vì vi tế tướng đương với thức.

Hai là tướng quả gồm thân của quả, vẫn dùng làm quả lẫn nhau là bắt đầu.

Ba là tự tướng tức tướng dị thực trong Thành Duy Thức. Thức dị thực gồm thân tất cả pháp. Sở dĩ biết được là vì dựa vào hạt giống dị thực của tất cả pháp được sinh, không cuộc hạn ở nghiệp báo phiền não, danh ngôn, tập khí vì tùy thuộc tương ưng tất cả, nên biết.

Hỏi: Nếu như thế thì dị thực và hạt giống thức đều kết hợp thọ huân tập thì vì sao nói riêng sự thọ huân tập của quả báo dị thực?

Đáp: Nay, huân tập muốn nói hạt giống của dị thực kia thì hạt giống thức vì đã là hạt giống của dị thực, nên không giải thích đối nhau, vì thức của dị thực, vô ký làm sáng tỏ nhau, vì thuận theo với huân tập nên ở trong vị vô ký nói về nghĩa huân tập kia. Nay, trong nhiếp luận dịch vào đời Lương biểu thị rõ ý nghĩa của ba tướng A-lại-da, nói bốn thức là thể của nhân quả.

Y cứ ở sự huân tập thành bản thức, nghĩa là nói thành nghĩa huân tập trong bản thức, pháp khác tức không có.

Nói về nghĩa làm nhân quả lẫn nhau, trở thành có bản thức: nói trong bản thức có nghĩa làm nhân quả lẫn nhau, pháp khác thì không có.

Nếu như vậy thì do đâu bỏ cỏ tranh được làm nhân quả lẫn nhau?

Đáp: Trong pháp khác làm nhân quả lẫn nhau, tức là chuyển vận môn lý, giả thuyết nhân quả chẳng phải chân thật.

Y cứ không phải một, không phải khác, trở thành có bốn thức nghiệp là hạt giống chánh, nên lúa, lúa mì là nhân giả kia. Vì nghĩa này không

ngờ vực nên văn luận nêu là gốc ngoài để chứng tỏ nội có huân tập.

Về nghĩa huân tập đó lê-da đủ bốn đức mới có khả năng thọ huân tập.

Kiên cố, nghĩa là vì lý thật nên kiên cố, Pháp khác ngoài thức, dựa vào thức không tự tại, đều không kiên cố.

Hỏi: Nếu các pháp không có kiên cố thì vì sao lại dẫn rau diếp cho là kiên cố?

Đáp: Loại rau diếp giống như kiên cố mà không là kiên cố. Vì sao? Vì chẳng bao lâu nó cũng sẽ tan hoại, còn Lê-da thì không như vậy. Quả báo cũng không vững chắc, vì dựa vào duyên thành, tức không tự tại, đâu được là kiên cố về đạo lý không thể.

Nghĩa vô ký mới được thọ huân tập. Vì sao? Vì vô ký tức là nghĩa vô phân biệt mà trong Như Lai tạng mới có pháp này.

Nếu vậy thì vì sao quả báo là vô ký?

Đáp: Ở đây vì trí Thanh Văn nông cạn nên dẫn vị gần kia, nói báo thọ huân tập. Quả báo không thể dụng, vì thức làm thể nên nói quả báo không có nghĩa vô ký thật rất ráo, Đạo lý như thế.

Có thể huân tập, chỉ Như Lai tạng không giữ tự tánh, thuận theo các pháp duyên khởi thành nghĩa tương tự, nên là có thể huân tập. Pháp khác thì không như vậy, vì bị duyên ràng buộc, đâu được lại chuyển thọ huân tập các pháp, vì pháp khác này không thành có thể huân tập.

Hỏi: Nếu nghĩa như đây thì vì sao nói áo có thể được thọ huân?

Đáp: Áo cũng là giả, không phải thật có thể xông ướp. Sở dĩ biết được như vậy là vì như hương xông áo, áo hư hoại, mùi hương vẫn tồn tại, nên biết, ướp tơ lụa không ướp áo, do đây suy nghiệm, nói xông áo chỉ cho vị ngữ, chỉ bốn trần, v.v... tơ lụa thọ xông ướp. Vì tiếp theo tìm tòi.

Trần cũng không thọ xông ướp. Vì sao? Vì khi hương xông, hương thành tức là nghĩa quả, là đạo lý nhân quả, chính là đức của Như Lai tạng, lìa tạng lại không có. Vì sao? Vì chỉ nói nhân quả trong các pháp, đều chuyển vận môn lý, chẳng phải là nghĩa thật.

Bốn đức tương ứng với chủ thể huân tập, chỉ Như Lai tạng có thích hợp với nghĩa các pháp, pháp khác thì không có. Vì sao? Vì không giữ tự tánh.

Nếu vậy thì vì sao nói gương soi tương ứng với chất?

Đáp: Gương soi cũng không tương ứng, chỉ gương soi thích ứng với chất ngoài, tức là lý của chánh nhân quả. Lý chánh nhân quả thì không có tự tánh. Vì không có tự tánh nên tức chân như vô ngã, nên biết,

gương soi ứng với chất là môn chuyển lý của giả thuyết kia.

Nói về nghĩa sinh dẫn hai nhân nhằm chứng chỉ có bản thức. Nếu dùng nghĩa nhân để làm sáng tỏ thì thành hai thứ nhân:

1. Sinh nhân.
2. Dẫn nhân.

Cũng như người nghèo cùng, bụng tên là sinh nhân, gương cung là dẫn nhân, cho đến quả báo chủ thể sinh kể cả qua đời là sinh nhân, khổ mất nối tiếp nhau là dẫn nhân kia là hai thứ nhân, vì lia thức A-lại-da thì không được thành nên chỉ có thức.

Trong là gốc ngoài chứng chỉ có thức, cho nên biết được là vì tất cả đều là thức, nên là gốc. Pháp ngoài dựa vào thức trở thành không có thể, tức không, nên biết trong thức là căn bản của pháp ngoài, pháp khác do kiến lập giả dối nên không thể y cứ.

Quả của ba tuệ thành, pháp nghe, suy nghĩ, tu từ vi tế, cho đến vướng mắc, đều do bản thức Như Lai tạng thành. Sở dĩ biết được là vì huân tập văn, từ chân như lưu, phải biết chân như là gốc ba tuệ thọ huân tập thành chủng, chuyển được tăng thượng, pháp khác thì không có.

Hỏi: Nếu vậy thì chân như đủ đức chỉ tự lưu xuất, đâu cần huân tập nữa?

Đáp: Chân như thật ra không giữ tự tánh, vì đợi duyên mới khởi, nên nói là huân tập.

Y cứ vào sự thọ dụng duyên sinh với thức, nương tựa nhau thành, làm nhân quả lẫn nhau mới được thọ dụng, nói chỉ có thức. Nếu không có dụng nhiếp thọ của lại-da duyên sinh, thì sẽ không thành thọ dụng, nên luận nói: “Các pháp đối với tạng thức, thức đối với pháp cũng vậy, hai thứ này làm nhân lẫn nhau, cũng thường làm quả lẫn nhau.

Kệ này y cứ vào xứ thọ dụng của tâm trên, mà nói. Về nghĩa thọ dụng kia như luận nói: “Nói về danh duyên thức, nói danh thọ thức, hiểu rõ thọ, danh phân biệt khởi tâm pháp hạnh. Sự thọ dụng này thành chung hạt giống và tâm trên, đều sinh dẫn kiến lập, thành tựu không giả dối, rộng như luận nói”.

Theo nhân duyên đủ, không đủ, thức A-lại-da chỉ làm nhân sinh lẫn nhau, nhân khác lại không có, Pháp khác không như vậy, vì mười hai duyên sinh, chỉ tăng thượng sinh thọ dụng. Duyên sinh có ba duyên sinh, nghĩa là duyên tăng thượng, duyên duyên, duyên thứ đệ.

Vì sao như vậy?

Đáp: Mười hai duyên sinh là tướng giả. Vì theo đỗi sự mà nói, nên duyên không đồng với Lê-da. Về lý tánh không y cứ vào sự để

nói, chỉ y cứ vào môn phát khởi ban đầu để nói là làm nhân quả lẫn nhau, pháp khác có thể so sánh mà biết. Lại, y cứ vào bí mật đều đủ bốn duyên, tám hội, gọi là quy chánh, nói có Lại-da. Bản dịch vào đời Lương chép: Lại nữa, người trong chánh pháp dù là nguyện ưa vô ngã trái nghịch với thân kiến. Đối với thức A-lại-da cũng có tự ngã ái.

Giải thích: Trước y cứ người ngoài Phật, pháp. Lại nữa, y cứ vào người trong pháp Phật, tự có ba phẩm:

1. Ở chánh tư.
2. Ở chánh tu.
3. Ở hữu học.

Người của ba phẩm này, hai người chế phục ngã kiến, một người diệt ngã kiến. Vì sao? Vì hai người trước so sánh không có ngã, một người sau, vì chứng biết vô ngã nên nói trái ngược với thân kiến. Ở trong A-lại-da thường tập ngã ái trong thời gian dài, dù rằng trái nghịch với thân kiến, nhưng ở trong bản thức, ngã ái cũng thường theo đuổi. Cho nên, thân kiến chẳng phải chỉ ái vương mắc. Nếu đem danh Lại-da nói là nghĩa Lê-da chỉ ở bản thức, nghĩa ấy liền trội hơn. Nếu gọi xứ của hai ngã kiến nhân và pháp thì không phải vượt hơn. Nghĩa Lại-da nên so sánh ở đây mà biết.

Y cứ luận Hiển Dương kiến lập thức A-lại-da có mười chín môn:

Nghiệp tăng trưởng đã tạo ở đời trước, giải thích thức với các pháp là nghĩa ưu tiên nên luận Khởi Tín chép: “Tất cả thời gian thường ở trước”.

Hoặc làm duyên, giải thích thức vì các pháp tạo duyên tăng thượng.

Từ thời vô thủy đến nay, hý luận huân tập làm nhân, giải thích hý luận vô thủy huân tập hạt giống làm nhân sở khởi của thức.

Tất cả hạt giống đã sinh, giải thích đây là nói hạt giống của tất cả pháp, là do thức sinh.

Thức dị thực làm thể, giải thích dựa vào các hạt giống và tâm trên, phát ra thức, vì hiện tại là dị thực nên dùng dị thực này làm thể.

Thức này năng chấp thọ, giải thích: nói bản thức và các pháp là một, các pháp lại một với bản thức, như đề hồ cùng đồ đựng.

Thấu đạt sắc căn, giải thích: thức gìn giữ các sắc căn, khiến căn sáng rõ.

Nơi chốn y căn, giải thích: thức là đối tượng nương tựa của các căn, thành nhân nương tựa.

Và hý luận huân tập, giải thích: nói thức với hý luận huân tập hạt

giống tâm trên làm chỗ đối tượng nương tựa.

Đối với tất cả thời gian một loại sinh diệt không thể biết rõ, giải thích: Thuyết minh bản thức kia nối tiếp nhau sinh khởi, là các phân biệt, không thể phân biệt biết.

Lại, có thể chấp thọ khí thể giới ngoài sự thấu đạt, giải thích: nói bản thức kia và khí thể giới đồng với bản thức một mà được thành tựu gọi là thấu đạt.

Tương ứng với bất khổ bất lạc thọ, giải thích: nói vì tương bản thức kia vô phân biệt, thuận với bất khổ bất lạc thọ, gọi là tương ứng.

Hoàn toàn vô phú, vô ký, giải thích: nói tục đế của bản thức kia, vì là các phân biệt nên không che mất Thánh đạo, cũng không có ghi nhận thiện, ác trong sự.

Làm nhân đối tượng nương tựa cho chuyển thức, giải thích: thuyết minh bản thức kia khi làm nhân cho chuyển thức làm sinh nhân lẫn nhau, cũng làm nhân nương tựa.

Thọ và chuyển thức nhiễm, tịnh đều cùng chuyển, giải thích: nói bản thức kia đồng thời đồng xứ với pháp nhiễm tịnh, tương ứng với hạt giống sinh chung, diệt chung và tâm trên, lưu truyền ở hiện tiền gọi là đều cùng có chuyển.

Hay tăng trưởng có chuyển thức, nhiễm v.v... làm nghiệp, giải thích: nói về tâm bản thức kia thành pháp ô nhiễm, ở trong đó vì có công năng nên là Nghiệp.

Và năng tổn giảm chuyển thức thanh tịnh, giải thích: nói bản thức kia đối với trở lại thanh tịnh có công năng khiến sinh tử trở lại thanh tịnh, là nghiệp kia.

Làm sao biết có thức, như Bạc-già-phạm nói: “Bị vô minh che khuất, kiết ái ràng buộc, ngu phu cảm được thân có thức, giải thích: luận tự giải thích: Đây là nói rõ có thức dị thực, tức là nghĩa dẫn thức.

Lại nói như năm hạt giống, đó là: Tâm, tâm sở, hữu, sắc, bất tương ứng, vô vi. Đây gọi là thức có nhận lấy, giải thích: luận tự giải thích: Đây là nói rõ có tất cả hạt giống thức, đồng với nghĩa dẫn chứng ở trước.

Luận dẫn kệ rằng:

- *Chấp trì thức sâu tế*

Các giống như ngựa chạy nhanh dòng nước chảy

Đối với người ngu ngã không rõ

Chớ chấp kia là ngã.

Giải thích: Đây là nói rõ giáo với phân chia xếp đặt công việc đã

làm. Thanh Văn, phàm phu không được nói cho nghe.

Hỏi: Luận trước nói: thức A-lại-da, nghĩa là đời trước đã tạo nghiệp thêm lớn, phiền não làm duyên. Từ thời vô thủy, hý luận huân tập làm nhân, sinh ra tất cả hạt giống, thức dị thực làm thể.

Y cứ tướng văn này bản thức tức là thể sinh tử. Nếu chẳng phải nhân sinh tử thì đâu ở chỗ làm nhân lẫn nhau của nhân quả sinh tử?

Đáp: Đây là y cứ luận Thành Duy Thức, chỉ ở trong sinh tử để nói về đạo lý tương sinh của nhân quả, đều là môn chuyển lý, không có lý chân thật, phải biết rằng lia ngoài thức, không còn pháp khác. Thức, tức là môn không nhiễm mà nhiễm, một nghĩa Như Lai tạng, nên kinh Lăng-già bốn quyển chép: Lược nói có ba thứ thức, nói rộng có tám tướng. Ba thứ thức là: Chân thức, hiện thức và phân biệt sự thức. Rộng đã lược, nên biết chẳng khác với chân. Lại nói: Không phải tự chân tướng thức diệt, chỉ tướng nghiệp diệt. Nếu tự chân tướng diệt thì tạng thức sẽ diệt. Đại Tuệ! Tạng thức diệt ấy chẳng khác gì nghĩa đoạn kiến của ngoại đạo. Tạng thức sâu kín như thể ở bờ mé cuối cùng, trừ các Như Lai và Bồ-tát trụ địa, các Thanh văn, Duyên giác ngoại đạo khác, tu hành đã được năng lực trí tuệ tam-muội, tất cả không thể tư duy, so lường, quyết đoán rõ ràng. Đại Tuệ! Thiện, bất thiện, nghĩa là tám thức, tám thức là Như Lai tạng, gọi thức tạng, tâm ý thức và thân năm thức, chẳng phải thuyết mà ngoại đạo nói. Đại Tuệ! Như Lai tạng ấy cảm thọ khổ, vui với nhân đều có, hoặc sinh, hoặc diệt. Tứ trụ địa bị say bởi trụ địa vô minh. Phàm ngu không hiểu biết, sát-na thấy tướng luống dối hiện đức tâm. Kinh Lăng-già mười quyển nói: “Đại Tuệ! Huân tập hạt giống, tâm không diệt. Nhận lấy cảnh giới ngoại, các thức diệt.

Đại Tuệ! Các ngoại đạo nói như vậy: “Cái gọi là lia các cảnh giới thức nối tiếp nhau diệt rồi thì diệt các thức”.

Đại Tuệ! Như Lai tạng thức không ở trong thức A-lại-da, cho nên bảy thứ thức có sinh, có diệt, Như Lai tạng thức không sinh, không diệt. Vì sao? Vì bảy thức kia nương tựa các cảnh, niệm quán mà sinh. Cảnh giới của bảy thức này, tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật, ngoại đạo, người tu hành đều không thể biết, không biết như thật, vì nhân vô ngã, vì nhận lấy tướng đồng, tướng riêng, vì thấy pháp ấm, giới, nhập, v.v... Về nghĩa mà nói nếu đạt nhân vô ngã thì gọi là nhân chấp tập, tức đạt được pháp vô ngã.

Bảy thức thì đồng với Như Lai tạng. Đại Tuệ! Thức A-lại-da gọi Như Lai tạng mà vô minh, bảy thức đều có chung, như sóng biển thường vỗ không ngừng tuyệt, vì thân câu sinh, nên lia lỗi vô thường, lia lỗi ở

ngã, tự tánh thanh tịnh. Lại, văn kinh y cứ các pháp tà niệm. Cho nên, có thức, sinh tám, chín mỗi thứ thức như các sóng trên mặt nước.

Thứ đến là nói về thức Mạt-na, lược có tám môn:

1. Nêu tên gọi.
2. Nêu thể tánh.
3. Nói về kiến lập.
4. Nói về tương ứng.
5. Y cứ ở đạo đối trị để nói có, không, đều nói phần vị đoạn.
6. Đối với ba tánh phân biệt.
7. Y cứ ba tánh biến kế, nói về phân chia xếp đặt.
8. Trở lại nguồn cội, lộ rõ thật.

1. Đầu tiên, nói về danh: Phương Tây gọi Mạt-na, Hán dịch là ý ô nhiễm. Đây là từ lỗi đặt tên.

2. Thể tánh: Từ ba pháp phát ra thể, thì dùng tự tâm làm thể.

3. Nói về kiến lập. Nhiếp Luận chép: “Nêu sáu lỗi chứng minh có mạt-na:

Một là: Nếu không có mạt-na thì ý thức không giống với năm thức không thành lỗi. Do Phật ngữ Đại thừa, ý giải thích dưới bao gồm căn y chỉ đồng thời. Nếu không có mạt-na thì ý thức sẽ không có căn y chỉ đồng thời, không tương tự với năm thức, không thành lỗi đồng thời.

Hai là: Nếu không có mạt-na thì thứ thứ sáu được mang tên ý thức, tức lỗi không có ý, vì ý thức là thứ lớp diệt, vì hiện không có thể.

Ba là: Nếu không có mạt-na thì sẽ không có tướng diệt, tâm nhất định không có lỗi sai khác. Nếu có mạt-na thì vô tướng có mạt na diệt, tâm không có mạt-na, hai định thì có khác.

Bốn là: Nếu không có mạt na thì tự nhiên sẽ trở thành không có lỗi trôi lăn, vì sao? Vì khi ý thức khởi thiện phần giải thoát, tức phải không có sự trôi lăn này, vì không có ngã kiến và ngã mạn.

Năm là: Nếu không có mạt-na thì lỗi chấp về ngã sẽ không khắp ba tánh, nếu không có thức mạt-na thì khi ý thức khởi điều lành, phần giải thoát tức phải không có chấp ngã.

Sáu là: Nếu không có mạt-na thì vô minh đi riêng một mình, sẽ không thành lỗi. Nếu khi có mạt-na, không có ý thức thì vô minh trong địa mạt-na, tức trở thành đi riêng một mình. Nếu không có mạt-na thì khi ý thức hiện hành, mạt-na thường xuyên làm y chỉ ô nhiễm, ý thức, vô minh khiến cho trở thành đi riêng một mình. Nếu có mạt-na, thì sẽ có sáu đức, lật lại trước kia, tức là bốn tương ứng: một khi mạt-na khởi thì nối tiếp nhau không dứt, tức tương ứng với ngã kiến, ngã mạn, ngã ái,

vô minh và thường tương ứng với số năm biến hành, gồm có chín số.

Hỏi: Vì sao Nhiếp luận không nói pháp sở hữu của tâm, chỉ tương ứng với bốn sử?

Đáp: Giáo Nhiếp của luận khởi từ giáo thuần thực kia, cho nên biết được việc đó là vì như văn của luận trí sai biệt dưới có nêu mười hai pháp rất sâu, nhằm giải thích rõ nghĩa rất sâu, không chung với Thanh văn. Phải biết rằng, giáo cao không phải là giáo ban đầu. Nếu lập tâm số tức có đối tượng trở ngại vì không có ích đối với đạo nên không nói.

Y cứ vào đạo đối trị để nói có, không, và phần vị đoạn, thức mặt-na đối với đạo vô lậu, tức nói là không có thức. Vì sao? Vì đối với lý vô ngã, trở thành sự ngăn ngại. Nếu nói thời điểm diệt thì ở vị kiến đạo đầu tiên, tức diệt mặt-na. Vì sao? Vì chướng ngại kiến lý vô ngã, nên vô tánh Nhiếp luận: Vì chuyển mặt-na ô nhiễm, nên được trí bình đẳng tánh.

Đầu tiên, khi hiện quán trước đã chứng đắc, chuyển ở vị tu đạo, lại chuyển thành thanh tịnh. Chuyển thanh tịnh tức diệt tập khí. Có người nói: Ở trong tu đạo, diệt ngã câu sinh. Câu sinh mặt-na và phiền não của tâm vô minh do tu đạo đoạn, nghĩa này không đúng. Một khi mặt-na khởi, nối tiếp nhau duyên ngã không dứt, thì do đâu được sửa đổi cảnh, khởi pháp chấp kia. Nếu khởi pháp chấp thì đâu gọi là duyên một loại trần ngã.

Hỏi: Vì sao mặt-na chỉ là câu sinh?

Đáp: Mặt-na không duyên nghĩa duyên ở ngoài, vì không duyên sinh nên không được khởi phân biệt ngã kiến.

Hỏi: Luận nói: Ở ngã câu sinh do tu đạo đoạn, do đâu mặt-na là ngã câu sinh, chẳng phải do tu đạo đoạn?

Đáp: Câu sinh do tu đạo đoạn là nhờ vị ngữ, như tăng-kỳ đầu tiên dứt ngoài da, tăng-kỳ thứ hai dứt tới thịt, tăng-kỳ thứ ba dứt tâm, việc này có thể như thế. Nay, đem tướng thô tế phân biệt, câu sinh là nhờ làm sáng tỏ kiến tu không phải dứt thật.

Ba tánh phân biệt. Vì thức mặt-na là ô nhiễm, nên thuộc về tánh hữu phú vô ký.

Ba tánh biến kế, thức mặt-na, là biến kế, là y tha, là viên thành thật, là ba vô tánh. Đây là y cứ Sơ giáo, nếu chung giáo tức chân như, nếu Viên giáo tức đủ tất cả. Vì sao? Vì thức mặt-na được tâm này.

Trở lại căn duyên làm sáng tỏ thật, do thức mặt-na vốn là sinh tử đầu tiên không có. Nay, do trí cầu tức vì không chẳng có thật, nên tất cả pháp đều như, các Thánh hiền cũng như.

Thứ đến, nói về ý thức: Ý thức là vô biên, phân biệt tất cả xứ, phân biệt với năm thức kia, hoặc một, hoặc khác, cho đến phát trí phân biệt, xếp đặt số tương ứng đều như phân biệt tâm sở trong hỏi đáp, rộng như chương riêng.

Thứ sáu nói về thành tựu, không thành tựu: Vì nhân duyên thế đế không có tánh nên thành nghĩa đế đệ nhất, vì xưa nay không tạo tác, vì không thành duyên thành, nên chẳng phải không thành, vì duyên thành nên chẳng phải thành, tất cả môn thức đều như thế.

Nếu y cứ vào thành tựu có hai nghĩa:

Một là nói về nghĩa thành tựu trong tướng.

Hai là y cứ vào lý thể, nói về thành tựu. Tướng đầu thành tựu, y cứ luận Hiển Dương Thánh giáo.

Hỏi: Nếu thành tựu thức A-lại-da thì cũng thành tựu chuyển thức phải chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn câu:

1. Hoặc thành tựu thức A-lại-da, không thành tựu chuyển thức. Tức là người không có tâm ngữ nghĩ, người không có tâm ngất xỉu, người nhập định Vô tướng, người nhập định Diệt tận, người sinh lên cõi trời Vô tướng.

2. Hoặc thành tựu chuyển thức, không thành tựu thức A-lại-da. Nghĩa là ở vị có tâm, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát không lui sụt và Như Lai.

3. Hoặc đều thành tựu, nghĩa là ở vị có tâm khác.

4. Hoặc đều không thành tựu. Nghĩa là A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát không lui sụt và Như Lai nhập định diệt tận, hoặc người ở cõi Niết-bàn vô dư.

Y cứ vào thể lý thành tựu. Như trong Du-già Bồ-tát quyết trạch chép: Cho đến tuệ rộng, Bồ-tát như thế, dù cho pháp trụ trí làm y chỉ là kiến lập ở tâm, ý thức, sự khéo léo bí mật, nhưng các Như Lai không ở nơi này, thiết lập ở chỗ kia mà là vì tất cả Bồ-tát khéo léo bí mật ở tâm, ý thức. Nếu các Bồ-tát tuệ rộng, ở nội tại đều riêng, như thật không thấy thức a-đà-na, không thấy A-lại-da, không thấy thức A-lại-da, không thấy chứa nhóm, cho đến đây gọi là sự khéo léo thắng nghĩa. Đây gọi là tất cả sự khéo léo bí mật ở tâm, ý thức. Bồ-tát lập ra tất cả sự khéo léo bí mật ở tâm ý thức, phải biết rằng thức A-lại-da muốn thành tựu thì phải hội thông Như Lai tạng mới trở thành y chỉ chắc thật. Nếu chỉ nhận lấy thức tướng sinh diệt thì nhiếp luận dịch vào đời Lương chép: “Khi bốn đức viên, thì bốn thức đều tận”. Nay nói diệt, kinh Lăng-già chép:

“Chỉ có tướng tâm diệt, không phải thể tâm diệt”.

Giải thích: Vì tướng tâm tức không nên không có đối tượng diệt, gọi là diệt, nên địa luận chép: Thế nào là diệt? Như hư không diệt cũng thế.

Hỏi: Tướng Lại-da diệt, ở vị nào là cùng tận?

Đáp: Ở Sơ địa là cùng tận.

Vì sao? Vì Địa Luận chép: “Thập địa chuyển y chỉ, vì y chỉ thân thường, không phải như ý thức vô thường, chỉ pháp nhân duyên vô thường.

Y cứ văn luận này để chứng minh Sơ địa tức bỏ A-lại-da. Nếu y cứ vào giáo đầu tiên thì tâm sau cùng của Thập địa bỏ A-lại-da. Vì sao? Vì ở địa thứ mười diệt ngay các chướng.

Hỏi: Lại-da y cứ vào đâu là bắt đầu?

Đáp: Một niệm vô minh khởi lên ở hiện tiền, tức là Lại da bắt đầu.

Vì sao biết được?

Đáp: Luận Hiển Dương chép: “Vì tập khí vô minh hý luận vô thỉ làm chánh nhân”. Lại Luận Khởi Tín chép: “Một niệm vô minh tức là bất giác, giác tức không dao động, động tức có khổ, quả không rời nhân, dị thực Lại-da sẽ là quả khổ đó cho nên là bắt đầu”.

Thứ tám huân tập, không huân tập. Pháp của chủ thể huân tập có ba thứ:

1. Huân tập danh ngôn, huân tập thức.
2. Huân tập kiến thức, huân tập thức, huân tập kiến thức.
3. Huân tập phiền não, huân tập nghiệp, huân tập quả báo.

Đối tượng huân tập, nghĩa là thức A-lại-da, như Nhiếp luận, nên biết nói rộng trong tướng vượt hơn.

Thứ chín, nói về chân, vọng khác nhau, thức A-lại-da này có chân, vọng khác nhau. Như Địa luận chép: “Mười hai duyên sinh là nghĩa đế đệ nhất, tức là nghĩa chân, như Nhiếp Luận chép: “Sự như trò ảo thuật, nai khát nước, mộng tưởng, che tối tăm. Ví như thức thứ nhất, giống như sự này, tức là cái có giả dối kia. Lại biết thức này không có tánh sinh, vì thông đạt chân, biết thức này là giả có. Vì thông đạt tục, tục tức là vọng, chân chính là chân kia. Lại, y cứ vào đạo lý Nhị thừa, như luận Du-già chép: “Nói rộng Lại-da huân tập thành hạt giống. Phán quyết nhất định phần báo sinh diệt của dị thực. Luận sau phán quyết rằng: Từ trước đến nay đã nói ta vì kẻ ngu si không có trí mà nói. Nói về nghĩa, thì ngu si không có trí tức là Thanh văn. Lại, luận chép: Ta đều không nói A-lại-

da như thế. Nếu biết Lại-da và thức Đà-na thì ở trong, ở ngoài, không thấy tạng, trụ, có thể biết như thế, đó gọi là Bồ-tát của Bồ-tát, phải biết rằng vì người vô trí nói, tức là vọng kia. Vì Bồ-tát nói, tức là chân kia. Lại, y cứ vào thừa để phân biệt. Thanh văn ngu pháp, đối với phàm phu, ngoại đạo chấp vọng tự tánh, tức là chân kia. Pháp chấp chưa trừ, thì nói là vọng. Sơ giáo Đại thừa đối với ngu pháp của Thanh văn kia, phân biệt chấp thật tức là chân kia, chưa cùng tận pháp không, tức là vọng kia. Như văn của giáo thuần thực, đối với sơ giáo kia phân biệt tế, tức là chân, tự không phải cuối cùng tức là vọng. Vì sao? Vì do danh ngôn, cảnh giới ngữ, nghĩa khác so sánh mà biết.

Thứ mười, quy thành tánh vô tánh đệ nhất nghĩa. Môn Duy thức này gồm thấu tất cả pháp, đều là Duy thức. Hoặc chỉ ba thức, hoặc chỉ một thức, gọi là bản thức. Hoặc chỉ tám thức, hoặc chỉ chín thức, hoặc chỉ mười một thức, hoặc chỉ bốn thức, là Duy thức của Ba thừa.

Đây là y cứ đồng ngôn giáo, hoặc chỉ mười thức, cho đến mỗi thứ là Duy thức của Nhất thừa, là y cứ vào giáo riêng để nói. Nói chung, Duy thức có hai thứ:

1. Giải duy thức.
2. Hạnh duy thức.

Như duy thức của ý thức, đầu tiên là thuận với hạnh, sau là thuận với giải. Duy thức của bản thức, đầu tiên là thuận với giải, sau là thuận với hạnh, rộng như sơ chép, phải biết rằng y cứ vào môn Duy thức, không có tất cả pháp riêng ngoài thức. Lại, y cứ vào văn luận biết trần không có sở hữu là thông đạt chân, biết chỉ có thức là thông đạt tục. Thuyết minh biết đạt thức, tức chẳng phải chân.

Luận nói: Sơ địa hiện chứng, nói được duy thức. Nếu biết Duy thức, thì là cảnh giới, vì chưa phải chân thật. Kinh Lăng-già chép: “Tâm như người thợ, người có tài khéo, ý như kẻ có tài hòa hợp. Năm thức là bè bạn, có tài quán vọng tưởng. Mọi y cứ của văn kinh này dù biết là thức, vẫn không khởi hý luận. Lại, luận Phật Tánh chép: Tất cả luống dối, như con của gái bất dục, dùng ngọn lửa, để tắm gội, mặc áo lông rùa, mang dép sừng hổ, đội mào hoa đốm hư không, đi vào thành Kiên-thát-bà, đùa giỡn với cô gái ảo thuật biến hóa. Về nghĩa nói chỉ khởi tâm kiến pháp, đều chẳng thật có, như các dụ kể trên. Phải biết rằng đạo lý được sáng tỏ do Thánh giáo, các pháp không thật có, chỉ một chân như, thật tánh vô ngã, dùng làm rốt ráo, đây là nghĩa của Ba thừa.

Các pháp như thế thuộc về giáo vô tận, tức là lý tận rốt ráo của Nhất thừa.

MỌI NGƯỜI HỎI XỨ VĂN THÙ, NÓI CHƯƠNG NHẬP PHẬT CẢNH GIỚI

Cảnh giới Phật: cảnh giới của Nhất thừa, ba thừa, Tiểu thừa đều riêng, như cảnh giới Phật pháp, sở tri của người Tiểu thừa, ở khổ nhân trở đi, người được pháp Đế-thích hàng phục nhân này xong, lại không phải là cảnh giới Phật. Nếu cảnh giới sở tri của người Ba thừa thì sẽ được giải không, vô tướng, là cảnh giới Phật. Nếu thuận theo tướng, hiểu là pháp phạm phu, ở trong đó, dù có giáo Tiệm, giáo đốn không đồng, nhanh chậm có khác, chỗ không đều vì thành căn cơ, diệt bệnh hợp lý, là ý Phật. Nếu hợp với chứng bệnh tức là sinh tử, không phải cảnh giới Phật.

Nếu y cứ vào Nhất thừa thì chung riêng tương ứng với mười một pháp là cảnh giới Phật:

1. Cảnh giới Phật ngang bằng với hư không, là chung.
2. Y cứ vào Nhất thừa, nhân tu vô lượng kiếp.
3. Thích hợp với đối tượng nhập của Nhất thừa kia, tương ứng với chín đời, trí vắng lặng, không đồng với kiến của thế gian.
4. Thuận theo độ sinh, cùng tận cảnh giới Phật, một được, tất cả được.
5. Khởi tùy thuận trí tục, ba đời không có trở ngại, vì đều như hư không.
6. Thuận theo chúng sinh mà nói các pháp, đều như tánh căn cơ, mỗi mỗi khác nhau, ở cảnh giới Phật.
7. Muốn biết loại, tánh chúng sinh khác nhau, hợp với vô phân biệt, vô phân biệt như thật.
8. Cảnh Phật sở tri, không phải thức nhiễm mà có thể nhận thức, cũng không phải cảnh giới của tâm nhiễm.
9. Tướng nào quyết định biết cảnh giới Phật? Nghĩa là biết quyết định môn tánh khởi. Trí vô sư, trí tự nhiên, chân tịnh rốt ráo, năng thị hiện chúng sinh, là biết quyết định cảnh giới Phật.
10. Muốn nói rõ, soi sáng cảnh Phật, pháp sinh tử, v.v... nghiệp báo, v.v... phiền não lặn dứt, không có đối tượng duyên, vô minh không có đối tượng hiện hành, thế gian của hành bình đẳng, cảnh giới Phật chiếu sáng như thế.
11. Muốn biết cảnh giới rộng lớn của Nhất thừa, biết tâm chúng sinh, tận cùng mười đời, vì tâm Như Lai trong một niệm cùng khắp tất cả, đều thông đạt sáng suốt cảnh giới rộng này. Nếu các pháp này đều là cảnh giới Phật Nhất thừa. Lại, cảnh giới Phật có nhân quả của nó, nếu

theo nghĩa của Tiểu thừa thì được nhân, chẳng phải được quả, được quả thì bỏ nhân, là nghĩa của Ba thừa. Giáo ban đầu được quả xong, bỏ nhân mà quả không rời nhân, cũng lại không tức nhân, không phải đoạn, cũng không phải thường. Vì sao? Vì nhân quả thì không, nếu là giáo sau cùng thì tức là chân như không có khác nhau. Nếu y cứ Đốn giáo thì nêu tâm đều hợp lý. Nếu y cứ vào Nhất thừa thì một tức tất cả, tất cả tức một, cho đến nghĩa giáo đều thích hợp với Nhân-đà-la và Vi tế.